ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THEO HỌC BẠ THPT ĐỢT 1 NĂM 2022

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1	DTZ11101669	Bùi Công	An	Nam	15/10/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.60**	1
2	DTZ14919405	Dương Thị Thúy	An	Nữ	18/08/2004	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**26.05**	1
3	DTZ1114246	Nguyễn Thị Ngọc	An	Nữ	21/03/2004	Kinh	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ	7310612	Trung Quốc học	**25.60**	1
4	DTZ9428901	Bùi Đức	Anh	Nam	28/11/2004	Mường	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7229010	Lịch sử	**27.05**	1
5	DTZ9922890	Bùi Mai	Anh	Nữ	21/12/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**24.10**	1
6	DTZ3591057	Chu Quỳnh	Anh	Nữ	24/06/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**23.15**	1
7	DTZ7686090	Đặng Thị Hoàng	Anh	Nữ	10/03/2004	Kinh	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7229030	Văn học	**21.85**	1
8	DTZ10163005	Đào Đức	Anh	Nam	11/09/2004	Kinh	Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh	7380101	Luật	**25.90**	1
9	DTZ8147657	Đào Mai	Anh	Nữ	17/11/2004	Kinh	Huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	7720203	Hoá dược	**29.55**	1
10	DTZ11914288	Đào Thị Vân	Anh	Nữ	08/07/2004	Kinh	Thành phố Hải Dương, Hải Dương	7380101	Luật	**24.00**	1
11	DTZ12535704	Đinh Quang	Anh	Nam	06/12/2004	Kinh	Huyện Thường Tín, Hà Nội	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**27.05**	1
12	DTZ11259332	Đỗ Đoàn Lan	Anh	Nữ	26/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.50**	1
13	DTZ1771377	Đỗ Mai	Anh	Nữ	10/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320201	Thông tin - Thư viện	**24.65**	1
14	DTZ6997787	Đỗ Phương	Anh	Nữ	26/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.85**	1
15	DTZ9162338	Đỗ Thị Minh	Anh	Nữ	30/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	7720203	Hoá dược	**27.10**	1
16	DTZ4725846	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	07/10/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.00**	1
17	DTZ10312790	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	18/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.20**	1
18	DTZ1412522	Đoàn Mai	Anh	Nữ	07/10/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.25**	1
19	DTZ14392381	Dương Quỳnh	Anh	Nữ	26/01/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.60**	1
20	DTZ631651	Giáp Quý Duy	Anh	Nam	24/04/2003	Vân kiều	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**24.35**	1
21	DTZ4355270	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	Nữ	10/02/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7320101	Báo chí	**26.35**	1
22	DTZ1187804	Kiều Thị Quỳnh	Anh	Nữ	06/02/2004	Kinh	Huyện Mộc Châu, Sơn La	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.15**	1
23	DTZ15327565	Lê Đức	Anh	Nam	13/12/2004	Kinh	Huyện Vũ Thư, Thái Bình	7460117	Toán tin	**24.20**	1
24	DTZ7913782	Lê Đức	Anh	Nam	16/07/2004	Kinh	TP. Sầm Sơn, Thanh Hóa	7380101	Luật	**24.05**	1
25	DTZ10492901	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	04/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.05**	1
26	DTZ14848004	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	15/05/2003	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**25.20**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
27	DTZ14568727	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	08/09/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.35**	1
28	DTZ5289990	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/05/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.10**	1
29	DTZ15424503	Lê Vân	Anh	Nữ	25/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.10**	1
30	DTZ10077915	Liễu Thị Kim	Anh	Nữ	21/08/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.70**	1
31	DTZ5654924	Luân Thị Tú	Anh	Nữ	22/04/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.30**	1
32	DTZ11076611	Lục Thị Vi	Anh	Nữ	06/07/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.05**	1
33	DTZ2521897	Lý Thị Tú	Anh	Nữ	25/04/2004	Thái	Huyện Mường Tè, Lai Châu	7380101	Luật	**26.35**	1
34	DTZ13694739	Lý Thị Vân	Anh	Nữ	08/03/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**25.45**	1
35	DTZ11052136	Ngô Thị Mai	Anh	Nữ	30/05/2004	Kinh	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	7380101	Luật	**23.05**	1
36	DTZ10471687	Nguyễn Hải	Anh	Nam	07/03/2004	Mường	Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	7460117	Toán tin	**22.95**	1
37	DTZ377965	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	13/10/2002	Kinh	Thành phố Lào Cai, Lào Cai	7720203	Hoá dược	**25.65**	1
38	DTZ11583147	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	26/03/2004	Kinh	Huyện Ba Vì, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**25.15**	1
39	DTZ4395078	Nguyễn Nguyệt	Anh	Nữ	06/11/2004	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**22.75**	1
40	DTZ15237649	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	04/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.60**	1
41	DTZ2038986	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	29/11/2004	Kinh	Quận Kiến An, Hải Phòng	7310612	Trung Quốc học	**26.40**	1
42	DTZ762528	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	13/09/2003	Kinh	Thành phố Nam Định, Nam Định	7310614	Hàn Quốc học	**24.10**	1
43	DTZ838651	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/04/2004	Dao	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**29.45**	1
44	DTZ4251995	Nguyễn Thị Bích	Anh	Nữ	11/02/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.35**	1
45	DTZ734258	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	01/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**26.35**	1
46	DTZ5644448	Nguyễn Thị Ngân	Anh	Nữ	09/03/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.45**	1
47	DTZ11851726	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.85**	1
48	DTZ6905829	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	18/10/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**20.50**	1
49	DTZ7673180	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	26/07/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.00**	1
50	DTZ10248777	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	24/12/2004	Tày	Thành phố Việt Trì, Phú Thọ	7380101	Luật	**25.40**	1
51	DTZ10481082	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	06/04/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.10**	1
52	DTZ105301	Nguyễn Việt	Anh	Nam	23/12/2002	Kinh	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7380101	Luật	**22.75**	1
53	DTZ4925470	Ninh Thị Lan	Anh	Nữ	21/03/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.75**	1
54	DTZ1417464	Nông Ngọc	Anh	Nữ	03/04/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**26.75**	1
55	DTZ4082790	Phạm Hồng	Anh	Nữ	31/12/2004	Kinh	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	7310614	Hàn Quốc học	**26.30**	1
56	DTZ6383203	Phạm Lan	Anh	Nữ	19/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.60**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
57	DTZ7664048	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	26/09/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7720203	Hoá dược	**22.65**	2
58	DTZ7882790	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	17/04/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.15**	1
59	DTZ8805787	Phạm Phương	Anh	Nữ	23/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.50**	1
60	DTZ1041356	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	01/01/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.15**	1
61	DTZ349876	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	09/02/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.35**	1
62	DTZ11205193	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	01/06/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	**7220201**	Ngôn ngữ Anh	**24.2**	1
63	DTZ13146618	Phan Quế	Anh	Nữ	11/03/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7320101	Báo chí	**25.80**	1
64	DTZ5778968	Trần Phương	Anh	Nữ	08/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**24.35**	1
65	DTZ11718375	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	10/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**28.25**	1
66	DTZ10345427	Triệu Hải	Anh	Nam	07/01/2004	Dao	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7310612	Trung Quốc học	**25.85**	1
67	DTZ8737911	Trịnh Kiều	Anh	Nữ	19/12/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.50**	1
68	DTZ1731349	Trương Thị Phương	Anh	Nữ	29/03/2004	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**22.65**	1
69	DTZ11789612	Vũ Phương	Anh	Nữ	24/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.85**	1
70	DTZ784404	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	19/05/2004	Kinh	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.75**	1
71	DTZ12205989	Vũ Việt	Anh	Nam	01/10/2004	Kinh	Huyện Yên Mô, Ninh Bình	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**21.05**	1
72	DTZ11188252	Đỗ Ngọc	Ánh	Nữ	14/02/2004	Kinh	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
73	DTZ799280	Dương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/04/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.40**	1
74	DTZ15174482	Dương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/03/2002	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**24.40**	1
75	DTZ14648207	Hoàng Thị	Ánh	Nữ	11/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**24.50**	1
76	DTZ5352244	Hoàng Thị Hồng	Ánh	Nữ	24/09/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.55**	1
77	DTZ7057892	Hoàng Tú	Ánh	Nữ	26/10/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.35**	1
78	DTZ1242583	Lê Nhật	Ánh	Nữ	29/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.70**	1
79	DTZ3308091	Lê Thị Hồng	Ánh	Nữ	28/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.45**	1
80	DTZ3059021	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7760101	Công tác xã hội	**22.85**	1
81	DTZ11876516	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/07/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.55**	1
82	DTZ8637160	Lưu Ngọc	Ánh	Nữ	09/02/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.30**	1
83	DTZ2627442	Lý Thị	Ánh	Nữ	09/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**20.75**	1
84	DTZ13992066	Mạc Thị Ngọc	Ánh	Nữ	21/11/2004	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7380101	Luật	**27.45**	1
85	DTZ7985005	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	27/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.75**	1
86	DTZ6623118	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	23/04/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**25.40**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
87	DTZ7424060	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	27/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.65**	1
88	DTZ12751125	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.45**	1
89	DTZ14455478	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	05/08/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**26.00**	1
90	DTZ184429	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/01/2000	Kinh	Huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc	7310614	Hàn Quốc học	**23.55**	1
91	DTZ6797410	Phạm Minh	Ánh	Nữ	01/11/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**30.70**	1
92	DTZ10058569	Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	16/06/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.85**	1
93	DTZ12245391	Phạm Thị	Ánh	Nữ	30/06/2004	Kinh	Huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**26.30**	1
94	DTZ14743348	Phương Ngọc	Ánh	Nữ	20/02/2004	Nùng	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.55**	1
95	DTZ12057820	Trần Thị	Ánh	Nữ	08/08/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.55**	1
96	DTZ6326053	Vi Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/02/2004	Nùng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**29.70**	1
97	DTZ5824597	Tạ Thị	Ba	Nữ	25/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.60**	1
98	DTZ354893	Dương Xuân	Bắc	Nam	18/03/2004	Tày	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.95**	1
99	DTZ8203981	Hoàng Thị	Bắc	Nữ	18/09/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.00**	1
100	DTZ4075589	Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	22/06/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.05**	1
101	DTZ7089622	Ma Đình	Bách	Nam	26/09/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.60**	1
102	DTZ2533837	Đinh Quốc	Bảo	Nam	23/11/2004	Kinh	Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình	7380101	Luật	**29.15**	1
103	DTZ5706214	Chu Thị	Bích	Nữ	23/04/2003	Kinh	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.75**	1
104	DTZ7497073	Nông Thị	Bích	Nữ	28/06/2004	Nùng	Huyện Hà Quảng, Cao Bằng	7340401	Khoa học quản lý	**27.55**	1
105	DTZ9013728	Trần Thị	Bích	Nữ	23/01/2004	Kinh	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	7760101	Công tác xã hội	**23.70**	1
106	DTZ13194778	Vi Thị Việt	Bích	Nữ	06/11/2004	Dao	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7380101	Luật	**26.60**	1
107	DTZ11179388	Nông Trọng	Biểu	Nam	23/09/2004	Tày	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7460101	Toán học	**27.15**	1
108	DTZ11667444	Dương Thị	Bình	Nữ	14/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.25**	1
109	DTZ13531977	Ngô Thị Thanh	Bình	Nữ	21/03/2003	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.45**	1
110	DTZ11683327	Nông Thị Thanh	Bình	Nữ	21/06/2004	Tày	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7310612	Trung Quốc học	**24.20**	1
111	DTZ3734391	Phan Thanh	Bình	Nam	12/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.55**	1
112	DTZ12475439	Phương Thị	Bình	Nữ	15/10/2004	Sán chí	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**29.95**	1
113	DTZ4466312	Trịnh Thị Thanh	Bình	Nữ	18/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**24.55**	1
114	DTZ14101869	Sùng Thị	Cá	Nữ	26/02/2004	Mông	Huyện Tuần Giáo, Điện Biên	7760101	Công tác xã hội	**26.45**	1
115	DTZ8404060	Ngô Thế	Cần	Nam	28/06/2004	Sán Dìu	Huyện Lục Ngan, Bắc Giang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.25**	1
116	DTZ1765429	Tằng Dâu	Cấu	Nam	01/03/2003	Dao	Huyện Đầm Hà, Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.05**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
117	DTZ3143923	Nông Kim	Chà	Nữ	26/10/2004	Nùng	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.65**	1
118	DTZ8112103	Hoàng Thị Thanh	Châm	Nữ	20/03/2004	Tày	Huyện Hạ Lang, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**28.35**	1
119	DTZ6285189	Lê Ngọc	Châm	Nữ	06/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.20**	1
120	DTZ5454507	Nguyễn Thị Phương	Châm	Nữ	20/06/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.95**	1
121	DTZ15398588	Nguyễn Thu	Châm	Nữ	16/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.25**	1
122	DTZ12371701	Tạ Thị Kiều	Châm	Nữ	10/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.95**	1
123	DTZ7092433	Dương Thị Hương	Chanh	Nữ	06/09/2004	Kinh	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.00**	1
124	DTZ6189125	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	Nữ	05/09/2004	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.15**	1
125	DTZ7929533	Đỗ Kim	Chi	Nữ	21/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.10**	1
126	DTZ564851	Dương Thị Linh	Chi	Nữ	18/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**26.55**	1
127	DTZ6196363	Hoàng Thị	Chi	Nữ	07/03/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7310614	Hàn Quốc học	**28.70**	1
128	DTZ9457713	Lê Nguyễn Linh	Chi	Nữ	19/12/2004	Kinh	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.05**	1
129	DTZ13118528	Lèng Ngọc	Chi	Nữ	25/10/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7380101	Luật	**23.00**	1
130	DTZ12579875	Lương Thị Huyền	Chi	Nữ	16/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.45**	1
131	DTZ1372721	Nguyễn Hương	Chi	Nữ	03/12/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7810101	Du lịch	**21.30**	2
132	DTZ15112091	Nguyễn Hương	Chi	Nữ	03/12/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.30**	2
133	DTZ5234377	Nguyễn Kiều Lâm	Chi	Nữ	24/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.25**	1
134	DTZ13747775	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	21/02/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.10**	1
135	DTZ3717551	Nguyễn Phương Huyền	Chi	Nam	24/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.45**	1
136	DTZ9319305	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	19/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.35**	1
137	DTZ2118030	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	29/07/2003	Kinh	Thành phố Tuyên Quang, Tuyên Quang	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**23.85**	1
138	DTZ13333432	Phạm Linh	Chi	Nữ	03/12/2004	Kinh	Thành Phố Lai Châu, Lai Châu	7220201	Ngôn ngữ Anh	**27.45**	1
139	DTZ6809304	Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	25/07/2003	Kinh	Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	7720203	Hoá dược	**24.95**	1
140	DTZ14923866	Tăng Thị Linh	Chi	Nữ	17/08/2004	Kinh	Huyện Kim Bảng, Hà Nam	7310612	Trung Quốc học	**23.40**	1
141	DTZ11648291	Trần Thị Linh	Chi	Nữ	13/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.00**	1
142	DTZ14021328	Trần Thị Quỳnh	Chi	Nữ	13/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**29.35**	1
143	DTZ15209353	Triệu Thị Quỳnh	Chi	Nữ	22/05/2004	Dao	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.40**	1
144	DTZ11897086	Trịnh Yến	Chi	Nữ	22/01/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.90**	1
145	DTZ1759966	Vàng Thị	Chi	Nữ	24/11/2003	Mông	Huyện Điện Biên Đông, Điện Biên	7760101	Công tác xã hội	**24.95**	1
146	DTZ14442789	Võ Lê Hải	Chi	Nữ	16/06/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.50**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
147	DTZ15597779	Hoàng Thị Ngọc	Chinh	Nữ	02/07/2004	Sán chí	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.50**	1
148	DTZ9407045	Thào A	Chồng	Nam	05/09/2004	Mông	Huyện Mù Cang Chải, Yên Bái	7340401	Khoa học quản lý	**23.85**	1
149	DTZ2728255	Dương Thanh	Chúc	Nữ	02/02/2004	Kinh	Huyện Hoa Lư, Ninh Bình	7320101	Báo chí	**24.20**	1
150	DTZ5266985	Nguyễn Thị	Chúc	Nữ	17/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.10**	1
151	DTZ9883567	Trần Thị Thanh	Chúc	Nữ	13/02/2004	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.80**	1
152	DTZ8154272	Nguyễn Khắc Lê	Chung	Nam	24/08/2004	Kinh	Huyện Văn Yên, Yên Bái	7320101	Báo chí	**27.05**	1
153	DTZ2668105	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	08/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.55**	1
154	DTZ5423192	Nông Nguyễn Thành	Chung	Nam	08/07/2004	Tày	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.15**	1
155	DTZ7121538	Hoàng Thị Thùy	Chuyên	Nữ	03/10/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7310614	Hàn Quốc học	**27.10**	1
156	DTZ14268494	Hoàng Văn	Công	Nam	27/03/2003	Tày	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.35**	1
157	DTZ4718325	Nguyễn Ngọc	Cừ	Nam	26/05/2004	Kinh	Thành phố Yên Bái, Yên Bái	7460117	Toán tin	**22.25**	1
158	DTZ12278918	Tạ Thị	Cúc	Nữ	04/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.90**	1
159	DTZ14961801	Hoàng Mạnh	Cường	Nam	05/11/2004	Tày	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7340401	Khoa học quản lý	**22.80**	1
160	DTZ4676648	Lê Cao	Cường	Nam	24/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7460117	Toán tin	**25.95**	1
161	DTZ7412164	Lưu Vĩnh	Cường	Nam	14/03/2004	Kinh	Huyện Thạch Thành, Thanh Hóa	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**27.20**	1
162	DTZ1344904	Hoàng Anh	Đài	Nữ	21/02/2004	Sán Dìu	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.35**	1
163	DTZ12388050	Ngô Tiến	Đại	Nam	26/06/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.05**	2
164	DTZ2089393	Nông Đức	Đậm	Nam	22/05/2003	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7229010	Lịch sử	**26.95**	1
165	DTZ6379902	Phạm Thị	Dân	Nữ	10/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.35**	1
166	DTZ1328795	Lương Thị Tuyết	Đan	Nữ	01/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.05**	1
167	DTZ12283428	Lương Thị Tuyết	Đan	Nữ	01/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.35**	1
168	DTZ3656261	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	08/12/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.40**	1
169	DTZ12931273	Trương Hữu	Đăng	Nam	13/08/2004	Kinh	Huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc	7460117	Toán tin	**28.90**	1
170	DTZ8027270	Nguyễn Văn	Đảng	Nam	31/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.35**	1
171	DTZ668077	Đặng Thị Bích	Đào	Nữ	15/11/2003	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**28.55**	1
172	DTZ9759919	Phùng Thị	Đào	Nữ	10/09/2004	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7340401	Khoa học quản lý	**26.70**	1
173	DTZ187540	Trần Thị Bích	Đào	Nữ	13/11/2004	Kinh	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7310614	Hàn Quốc học	**23.85**	1
174	DTZ11612913	Trần Thị Bích	Đào	Nữ	30/01/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.20**	1
175	DTZ13566094	Bùi Thành	Đạt	Nam	09/01/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.55**	1
176	DTZ13252954	Đỗ Thiện	Đạt	Nam	10/04/2004	Kinh	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**25.05**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
177	DTZ4937249	Nguyễn Đức	Đạt	Nam	22/08/2004	Kinh	Huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.85**	1
178	DTZ13154024	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	20/06/2004	Kinh	Huyện Lục Nam, Bắc Giang	7380101	Luật	**26.35**	1
179	DTZ11284008	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	20/06/2004	Kinh	Huyện Lục Nam, Bắc Giang	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.85**	1
180	DTZ11423055	Vạ Thị	Dạư	Nữ	06/08/2002	Mông	Huyện Sông Mã, Sơn La	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.95**	1
181	DTZ7339116	Lầu Thị	De	Nữ	03/09/2004	Mông	Huyện Sông Mã, Sơn La	7380101	Luật	**23.80**	1
182	DTZ8641950	Dương Ngọc	Diễm	Nữ	10/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.20**	1
183	DTZ6864204	Liễu Khoa	Điềm	Nam	30/08/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.75**	1
184	DTZ15431252	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	16/03/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7320101	Báo chí	**24.75**	1
185	DTZ10377743	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	26/04/2004	Kinh	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.15**	1
186	DTZ7954443	Hoàng Thị	Điển	Nữ	02/05/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.85**	1
187	DTZ12676552	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	10/12/2004	Kinh	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.25**	1
188	DTZ7783749	Nông Thị	Diệp	Nữ	09/07/2004	Tày	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.50**	1
189	DTZ1632372	Hà Kim	Điệp	Nữ	09/05/2004	Kinh	Huyện Kim Sơn, Ninh Bình	7310614	Hàn Quốc học	**26.40**	1
190	DTZ1074164	Lục Thị Thu	Điệp	Nữ	02/10/2004	Cao Lan	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.65**	1
191	DTZ15386532	Lý Thị	Điệp	Nữ	14/05/2004	Sán chí	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.25**	1
192	DTZ13295913	Đàm Thị	Diệu	Nữ	26/06/2004	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.95**	1
193	DTZ15219220	Đỗ Hoàng	Diệu	Nữ	14/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7229030	Văn học	**25.40**	1
194	DTZ12961097	La Thị Mỹ	Diệu	Nữ	16/09/2004	Tày	Huyện Ba Bể, Bắc Kạn	7810101	Du lịch	**25.55**	1
195	DTZ889449	Nguyễn Ngọc	Diệu	Nữ	07/04/2003	Kinh	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	7229030	Văn học	**27.00**	1
196	DTZ8884641	Nguyễn Ngọc	Diệu	Nữ	07/04/2003	Kinh	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	7229030	Văn học	**26.30**	1
197	DTZ32674	Trần Văn	Dô	Nam	24/11/2003	Kinh	Huyện Tân Biên, Tây Ninh	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**25.20**	1
198	DTZ12461892	Ngô Thùy	Doan	Nữ	21/05/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.60**	1
199	DTZ1451888	Quách Đình	Đoàn	Nam	30/10/2004	Mường	Huyện Thạch Thất, Hà Nội	7320101	Báo chí	**27.85**	1
200	DTZ10601101	Trần Đăng	Đợi	Nam	09/10/2004	Kinh	Huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.55**	1
201	DTZ484332	Nguyễn Thị Phương	Đông	Nữ	21/10/2003	Kinh	Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	7440102	Vật lý học	**25.65**	1
202	DTZ14439955	Đỗ Anh	Đức	Nam	01/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.20**	1
203	DTZ5338738	Nguyễn Hồng	Đức	Nam	22/01/2004	Kinh	Quận Thanh Xuân, Hà Nội	7320101	Báo chí	**25.60**	1
204	DTZ7019310	Nguyễn Minh	Đức	Nam	28/11/2004	Kinh	Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	7720203	Hoá dược	**26.65**	1
205	DTZ11414222	Phạm Quang	Đức	Nam	24/09/2004	Nùng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.60**	1
206	DTZ9606697	Trần Thị Minh	Đức	Nữ	10/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**19.70**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
207	DTZ11483562	Vũ Minh	Đức	Nam	03/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.25**	1
208	DTZ7504488	Vũ Minh	Đức	Nam	26/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**24.70**	1
209	DTZ10297616	Hà Thùy	Dung	Nữ	02/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.50**	1
210	DTZ5185516	Hoàng Thị Kim	Dung	Nữ	23/08/2004	Sán Dìu	Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc	7380101	Luật	**28.35**	1
211	DTZ3999177	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	23/05/2004	Nùng	Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn	7320101	Báo chí	**27.65**	1
212	DTZ3889572	Lò Thị	Dung	Nữ	27/05/2004	Thái	Huyện Mường Chà, Điện Biên	7380101	Luật	**26.30**	1
213	DTZ2104048	Lò Thị Phương	Dung	Nữ	27/12/2004	Thái	Huyện Phong Thổ, Lai Châu	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**22.25**	1
214	DTZ4687018	Mạch Thị	Dung	Nữ	29/11/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.85**	1
215	DTZ10638732	Nguyễn Huyền	Dung	Nữ	11/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.60**	1
216	DTZ8414049	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	02/02/2004	Kinh	Huyện Văn Yên, Yên Bái	7320101	Báo chí	**24.85**	1
217	DTZ178736	Trần Thị	Dung	Nữ	20/07/2004	Hoa	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.00**	1
218	DTZ9832434	Trần Thị Mỹ	Dung	Nữ	07/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.35**	1
219	DTZ981756	Trần Thị Mỹ	Dung	Nữ	17/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.35**	1
220	DTZ166126	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	30/08/2004	Kinh	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**25.55**	1
221	DTZ4621511	Lưu Quang	Dũng	Nam	12/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7460117	Toán tin	**23.75**	1
222	DTZ6432223	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	27/02/2003	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**22.75**	1
223	DTZ9749827	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	14/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7460117	Toán tin	**22.50**	1
224	DTZ12771668	Nông Trung	Dũng	Nam	14/12/2004	Nùng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**24.00**	1
225	DTZ3036140	Lô Thị	Dưng	Nữ	14/05/2003	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**25.05**	1
226	DTZ1782511	Đinh Thuỳ	Dương	Nữ	28/12/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.25**	1
227	DTZ92550	Dương Thị Thùy	Dương	Nữ	23/07/2004	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.45**	1
228	DTZ4186110	Lều Thùy	Dương	Nữ	11/12/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7229030	Văn học	**24.35**	1
229	DTZ7556367	Lương Thùy	Dương	Nữ	11/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**26.00**	1
230	DTZ9189363	Ngô Vân	Dương	Nữ	14/01/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.90**	1
231	DTZ9575457	Nguyễn Thanh	Dương	Nam	21/02/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**22.90**	1
232	DTZ8396221	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	25/08/2004	Kinh	Huyện Văn Yên, Yên Bái	7380101	Luật	**25.85**	1
233	DTZ11368620	Phạm Hà	Dương	Nữ	03/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.4**	1
234	DTZ6741789	Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	27/07/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.65**	1
235	DTZ12596727	Phạm Thùy	Dương	Nữ	15/06/2004	Sán Dìu	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.85**	1
236	DTZ470231	Phạm Tùng	Dương	Nam	18/10/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.10**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
237	DTZ10821595	Khúc Thừa Đức	Duy	Nam	05/03/2004	Kinh	Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	7720203	Hoá dược	**26.85**	1
238	DTZ12355878	Phí Đức	Duy	Nam	09/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**26.15**	1
239	DTZ15504771	Tòng Văn	Duy	Nam	27/03/2004	Thái	Huyện Mường Chà, Điện Biên	7380101	Luật	**20.50**	1
240	DTZ11063332	Đồng Thị	Duyên	Nữ	11/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.05**	1
241	DTZ9062045	Dương Thị	Duyên	Nữ	16/09/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**22.65**	1
242	DTZ143084	Dương Thị	Duyên	Nữ	15/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.10**	1
243	DTZ1363509	Dương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	10/10/2003	Dao	Huyện Cao Phong, Hòa Bình	7310612	Trung Quốc học	**26.45**	1
244	DTZ1467075	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	02/05/2004	Kinh	Huyện Đan Phượng, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**21.55**	1
245	DTZ1593774	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	12/07/2004	Dao	Huyện Pác Nặm, Bắc Kạn	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**27.75**	1
246	DTZ13396353	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	03/12/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.05**	1
247	DTZ9087246	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	16/01/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**26.30**	1
248	DTZ847150	Kiều Thuý	Duyên	Nữ	16/02/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.35**	1
249	DTZ8789179	Nguyễn Phúc	Duyên	Nữ	21/01/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
250	DTZ10647160	Nguyễn Thanh	Duyên	Nữ	07/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.20**	1
251	DTZ1183539	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/06/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7229030	Văn học	**23.55**	1
252	DTZ3395977	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	20/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.20**	1
253	DTZ2079304	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	10/10/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**26.95**	1
254	DTZ1330283	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	08/02/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**22.50**	1
255	DTZ11125739	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	25/12/2004	Kinh	Huyện Đan Phượng, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.00**	1
256	DTZ15766442	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	10/02/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.55**	1
257	DTZ9509969	Nông Hoài	Duyên	Nữ	09/11/2004	Tày	Huyện Hà Quảng, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**28.40**	1
258	DTZ7759478	Trần Thu	Duyên	Nữ	01/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.90**	1
259	DTZ8599775	Vi Thị Bích	Duyên	Nữ	12/02/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**22.85**	1
260	DTZ1616284	Vũ Thị	Duyên	Nữ	21/11/2003	Nùng	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.10**	1
261	DTZ12648341	Triệu Thị	Em	Nữ	24/10/2004	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7810101	Du lịch	**25.15**	1
262	DTZ464284	Cao Thị	Giang	Nữ	07/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.20**	1
263	DTZ8563448	Đặng Thị Thanh	Giang	Nữ	03/06/2004	Dao	Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**25.60**	1
264	DTZ5191896	Đặng Thùy	Giang	Nữ	27/04/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.45**	1
265	DTZ11775346	Hà Thị Hương	Giang	Nữ	13/12/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.75**	1
266	DTZ1515692	Hoàng Minh	Giang	Nữ	04/09/2004	Kinh	Huyện Gia Lâm, Hà Nội	7380101	Luật	**23.45**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
267	DTZ4174307	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	22/11/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7310612	Trung Quốc học	**23.05**	1
268	DTZ14187580	Lâm Thu	Giang	Nữ	16/02/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.00**	1
269	DTZ5142928	Lường Thị Hà	Giang	Nữ	01/08/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.45**	1
270	DTZ3567008	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	17/09/2004	Kinh	Quận Cầu Giấy, Hà Nội	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.40**	1
271	DTZ12564506	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	08/02/2004	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7320101	Báo chí	**26.05**	1
272	DTZ9769131	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	13/06/2004	Kinh	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	7380101	Luật	**25.70**	1
273	DTZ15695631	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	14/01/2004	Kinh	Huyện Giao Thủy, Nam Định	7310614	Hàn Quốc học	**23.60**	1
274	DTZ10006944	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	19/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**28.40**	1
275	DTZ941775	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	16/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**21.80**	1
276	DTZ9806363	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	03/04/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.05**	1
277	DTZ11294696	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	05/04/2004	Kinh	Quận Lê Chân, Hải Phòng	7380101	Luật	**28.50**	1
278	DTZ3226856	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	02/10/2004	Kinh	Thành phố Việt Trì, Phú Thọ	7340401	Khoa học quản lý	**22.65**	1
279	DTZ299501	Nguyễn Trường	Giang	Nam	26/01/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.45**	1
280	DTZ41154	Phạm Hương	Giang	Nữ	31/12/2004	Kinh	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	7310614	Hàn Quốc học	**25.40**	1
281	DTZ5213178	Tạ Thị	Giang	Nữ	04/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.10**	1
282	DTZ6725201	Trần Thị	Giang	Nữ	09/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.70**	1
283	DTZ5816905	Bàn Thị	Hà	Nữ	29/12/2004	Dao	Huyện Thông Nông, Cao Bằng	7760101	Công tác xã hội	**24.55**	1
284	DTZ1048767	Bùi Thu	Hà	Nữ	02/11/2004	Mường	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	7310612	Trung Quốc học	**25.85**	1
285	DTZ1587899	Bùi Thu	Hà	Nữ	02/11/2004	Mường	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	7310612	Trung Quốc học	**25.85**	1
286	DTZ4099113	Đoàn Mỹ	Hà	Nữ	21/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.20**	1
287	DTZ14469323	Đường Thị	Hà	Nữ	08/10/2004	Nùng	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.90**	1
288	DTZ15743733	Giàng Thị	Hà	Nữ	05/10/2004	Mông	Huyện Đồng Văn, Hà Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.05**	1
289	DTZ12622078	Hoàng Thị	Hà	Nữ	30/03/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**24.20**	1
290	DTZ14006266	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	16/08/2004	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.90**	1
291	DTZ14429939	Hoàng Thu	Hà	Nữ	19/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.00**	1
292	DTZ1397317	Lê Thu	Hà	Nữ	20/07/2004	Tày	TP Cao Bằng, Cao Bằng	7380101	Luật	**25.95**	1
293	DTZ927416	Nguyễn Hữu	Hà	Nam	02/04/2004	Kinh	Huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh	7320101	Báo chí	**22.10**	1
294	DTZ4204605	Nguyễn Nguyệt	Hà	Nữ	10/10/2004	Kinh	Huyện Phù Cừ, Hưng Yên	7310614	Hàn Quốc học	**26.90**	1
295	DTZ10651132	Nguyễn Phương	Hà	Nữ	05/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**22.85**	1
296	DTZ232683	Nguyễn Thị Phương	Hà	Nữ	15/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.95**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
297	DTZ144991	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23/11/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.85**	1
298	DTZ15442838	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	17/05/2004	Kinh	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	7460101	Toán học	**26.20**	1
299	DTZ379962	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	18/10/2004	Kinh	Thành phố Tuyên Quang, Tuyên Quang	7310612	Trung Quốc học	**24.25**	1
300	DTZ6631649	Nguyễn Trang NgâN	Hà	Nữ	08/06/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**24.90**	1
301	DTZ12198190	Nông Thị Thu	Hà	Nữ	01/03/2004	Nùng	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.75**	1
302	DTZ46716	Phạm Thị	Hà	Nữ	12/09/2002	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.95**	1
303	DTZ8037681	Phạm Việt	Hà	Nữ	20/04/2004	Kinh	Huyện Văn Yên, Yên Bái	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.55**	1
304	DTZ14854601	Tô Thu	Hà	Nữ	27/10/2004	Tày	Huyện Bảo Lạc, Cao Bằng	7310614	Hàn Quốc học	**27.25**	1
305	DTZ350247	Giàng Văn	Hải	Nam	10/02/2004	Mông	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.85**	1
306	DTZ3418733	Hoàng Thị	Hải	Nữ	04/12/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7810101	Du lịch	**20.90**	1
307	DTZ5573262	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	25/02/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7310612	Trung Quốc học	**24.10**	1
308	DTZ798210	Trần Minh	Hải	Nam	06/10/2004	Kinh	Huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc	7380101	Luật	**23.50**	1
309	DTZ4166481	Triệu Thị	Hải	Nữ	13/07/2004	Dao	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.95**	1
310	DTZ3043626	Trịnh Thanh	Hải	Nam	21/06/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**27.75**	1
311	DTZ2121391	Hoàng Văn	Hân	Nam	17/03/2004	Tày	Huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	7810101	Du lịch	**19.85**	1
312	DTZ12076198	Nguyễn Thị	Hân	Nữ	05/08/2004	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.35**	1
313	DTZ2094746	Vũ Thị Minh	Hân	Nữ	18/07/2003	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**22.70**	1
314	DTZ3388553	Vũ Thị Minh	Hân	Nữ	18/07/2003	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**22.70**	1
315	DTZ654149	Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	25/10/2004	Mường	Huyện Cao Phong, Hòa Bình	7380101	Luật	**27.15**	1
316	DTZ975750	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	27/10/2004	Nùng	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**28.55**	1
317	DTZ12152268	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	05/01/2004	Kinh	Huyện Gia Lâm, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**25.90**	1
318	DTZ2505619	Dương Thị	Hằng	Nữ	16/11/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.00**	1
319	DTZ6927810	Hoàng Thị Minh	Hằng	Nữ	25/11/2004	Kinh	Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	7460101	Toán học	**29.25**	1
320	DTZ14171207	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	29/08/2004	Cao Lan	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**22.15**	1
321	DTZ6159768	Hoàng Thúy	Hằng	Nữ	08/06/2004	Nùng	Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**26.15**	1
322	DTZ259224	Kim Thị	Hằng	Nữ	19/08/2004	Nùng	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.55**	1
323	DTZ14766768	Lăng Thị	Hằng	Nữ	26/07/2003	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**25.75**	1
324	DTZ9079732	Lê Thị	Hằng	Nữ	27/03/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.70**	1
325	DTZ7767373	Lù Thị	Hằng	Nữ	04/05/2004	Nùng	Huyện Xín Mần, Hà Giang	7310612	Trung Quốc học	**28.65**	1
326	DTZ4802133	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	21/04/2004	Kinh	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**22.95**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
327	DTZ1976464	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	19/02/2022	Kinh	Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.15**	1
328	DTZ10043497	Phạm Thị	Hằng	Nữ	26/02/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.30**	1
329	DTZ10231232	Trần Thu	Hằng	Nữ	16/09/2004	Cao Lan	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.25**	1
330	DTZ2815481	Trương Thuý	Hằng	Nữ	06/07/2003	Hoa	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.75**	1
331	DTZ3357924	Vũ Minh	Hằng	Nữ	07/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.75**	1
332	DTZ7228758	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	30/07/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.35**	1
333	DTZ6839425	Dương Thị	Hạnh	Nữ	25/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.70**	1
334	DTZ7517929	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	05/01/2004	Kinh	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**23.30**	1
335	DTZ8873924	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	28/01/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.60**	1
336	DTZ1806629	Lý Thị	Hạnh	Nữ	02/06/2003	Nùng	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**26.55**	1
337	DTZ7283604	Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	08/09/2004	Cao Lan	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.40**	1
338	DTZ11099942	Trần Mai	Hạnh	Nữ	03/08/2004	Kinh	Huyện Đồng Văn, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.75**	1
339	DTZ3938135	Trần Thị	Hạnh	Nữ	25/06/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.75**	1
340	DTZ2545239	Trương Mỹ	Hạnh	Nữ	16/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**24.05**	1
341	DTZ1986563	Ngô Thu	Hảo	Nữ	25/03/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**27.25**	1
342	DTZ6271748	Trương Thị	Hảo	Nữ	06/05/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.70**	1
343	DTZ8274371	Trương Thị	Hảo	Nữ	06/05/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.10**	1
344	DTZ12116529	Dương Thị	Hậu	Nữ	20/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**27.20**	1
345	DTZ5532873	Lục Thị	Hậu	Nữ	06/11/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**28.40**	1
346	DTZ10332012	Lỷ Sáng	Hềnh	Nam	28/04/2004	Dao	Huyện Đầm Hà, Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**25.35**	1
347	DTZ1165387	Dương Thu	Hiền	Nữ	22/11/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**29.20**	1
348	DTZ9005932	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	03/10/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.30**	1
349	DTZ374698	Lục Thị Thu	Hiền	Nữ	23/06/2004	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.35**	1
350	DTZ8723788	Lưu Thị Thu	Hiền	Nữ	04/08/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.05**	1
351	DTZ5018052	Lưu Thúy	Hiền	Nữ	08/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.20**	1
352	DTZ5734874	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	24/10/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**22.75**	1
353	DTZ14529583	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	03/12/2004	Kinh	Thành phố Lào Cai, Lào Cai	7760101	Công tác xã hội	**21.05**	2
354	DTZ116740	Phạm Thị	Hiền	Nữ	28/11/2003	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.95**	1
355	DTZ3649202	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	03/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.60**	1
356	DTZ8819229	Phạm Thu	Hiền	Nữ	06/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.65**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
357	DTZ1477344	Phan Thị	Hiền	Nữ	11/01/2003	Kinh	Thành phố Móng Cái, Quảng Ninh	7310612	Trung Quốc học	**25.05**	1
358	DTZ14616066	Phàn Thị	Hiền	Nữ	18/09/2004	Dao	Huyện Tam Đường, Lai Châu	7760101	Công tác xã hội	**23.15**	1
359	DTZ14372886	Trần Thanh	Hiền	Nữ	13/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**26.25**	1
360	DTZ13938192	Trang Thanh	Hiền	Nữ	12/06/2004	Kinh	Huyện Hưng Hà, Thái Bình	7310614	Hàn Quốc học	**26.20**	1
361	DTZ757196	Triệu Thanh	Hiền	Nữ	24/05/2004	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**25.85**	1
362	DTZ10212694	Triệu Thị	Hiền	Nữ	16/05/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.15**	1
363	DTZ3694543	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	21/11/2003	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.05**	1
364	DTZ2296425	Vũ Thu	Hiền	Nữ	18/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
365	DTZ9569893	Nguyễn Phi	Hiệp	Nam	02/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.15**	1
366	DTZ592418	Lường Trung	Hiếu	Nam	08/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.65**	1
367	DTZ13066016	Nguyễn Minh	Hiếu	Nữ	21/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.75**	1
368	DTZ2408983	Phạm Minh	Hiếu	Nam	28/11/2001	Kinh	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7380101	Luật	**28.45**	1
369	DTZ703201	Tô Minh	Hiếu	Nam	12/12/2004	Tày	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**28.35**	1
370	DTZ15186039	Vũ Quang	Hiếu	Nam	03/11/2004	Kinh	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.20**	1
371	DTZ4372243	Vương Thị Nhật	Hiếu	Nữ	03/08/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.55**	1
372	DTZ200574	Trần Quốc	Hiểu	Nam	27/08/2004	Tày	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7229010	Lịch sử	**27.25**	1
373	DTZ1724829	Bùi Thị Thanh	Hoa	Nữ	01/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.85**	1
374	DTZ1349351	Cao Thị Mai	Hoa	Nam	16/07/2003	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.55**	1
375	DTZ6402841	Luân Thị	Hoa	Nữ	25/10/2004	Nùng	Huyện Quảng Uyên, Cao Bằng	7229010	Lịch sử	**22.35**	1
376	DTZ8003162	Lương Thị Mỹ	Hoa	Nữ	14/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**24.45**	1
377	DTZ12707830	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	Nữ	10/03/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.80**	1
378	DTZ1231812	Phạm Thị	Hoa	Nữ	06/07/2004	Sán chí	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**26.20**	1
379	DTZ7791447	Vũ Thị Thu	Hoa	Nữ	26/07/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**25.85**	1
380	DTZ13602160	Dương Thị	Hoà	Nữ	21/06/2003	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**25.10**	1
381	DTZ4346729	Bùi Thị Thu	Hòa	Nữ	20/10/2002	Kinh	Huyện Tam Nông, Phú Thọ	7760101	Công tác xã hội	**20.95**	1
382	DTZ28319	Đoàn Phước	Hòa	Nam	17/04/2004	Kinh	Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.30**	1
383	DTZ9849957	Lê Thị Thu	Hòa	Nữ	17/07/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.95**	1
384	DTZ13175923	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	11/08/2003	Mường	Thành phố Hòa Bình, Hòa Bình	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.55**	1
385	DTZ8976468	Đào Thị Thu	Hoài	Nữ	31/07/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.90**	1
386	DTZ442976	Đinh Thị Thu	Hoài	Nữ	07/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.40**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
387	DTZ1193165	Dương Thị	Hoài	Nữ	23/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.75**	1
388	DTZ12904734	Hàn Thu	Hoài	Nữ	30/12/2004	Sán chí	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**28.00**	1
389	DTZ10142058	Hoàng Thu	Hoài	Nữ	25/10/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**25.75**	1
390	DTZ400610	Lương Thị	Hoài	Nữ	06/07/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**26.25**	1
391	DTZ14729219	Mã Thị Thu	Hoài	Nữ	04/10/2003	Tày	Huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang	7340401	Khoa học quản lý	**27.60**	1
392	DTZ10885991	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	12/01/2004	Tày	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	7460117	Toán tin	**27.50**	1
393	DTZ4283545	Phạm Thu	Hoài	Nữ	01/10/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.35**	1
394	DTZ13942496	Triệu Thu	Hoài	Nữ	20/03/2004	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**29.00**	1
395	DTZ10188966	Trương Thị	Hoài	Nữ	29/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.00**	1
396	DTZ275016	Vy Thị Thu	Hoài	Nữ	06/01/2004	Sán chí	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.25**	1
397	DTZ3555137	Bùi Thị	Hoan	Nữ	07/11/2002	Mường	Huyện Kim Bôi, Hòa Bình	7310614	Hàn Quốc học	**24.05**	1
398	DTZ893802	Dương Thị	Hoan	Nữ	12/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.55**	1
399	DTZ4791917	Đào Duy	Hoàng	Nam	04/03/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7380101	Luật	**22.70**	1
400	DTZ4319024	Đinh Việt	Hoàng	Nam	12/07/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**19.35**	1
401	DTZ15654789	Dương Văn	Hoàng	Nam	19/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**21.85**	1
402	DTZ3683819	Nguyễn Lâm	Hoàng	Nam	12/01/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.95**	1
403	DTZ15798144	Vũ Huy	Hoàng	Nam	24/02/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**19.85**	1
404	DTZ1002476	Đào Thị Bích	Hồng	Nữ	17/06/2004	Kinh	Huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.85**	1
405	DTZ7348565	Dương Thị	Hồng	Nữ	04/10/2004	Tày	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.95**	1
406	DTZ12233940	Hứa Thị	Hồng	Nữ	22/09/2004	Nùng	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7380101	Luật	**28.10**	1
407	DTZ9527814	Lục Thị Ánh	Hồng	Nam	08/11/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.65**	1
408	DTZ584354	Nguyễn Phượng	Hồng	Nữ	08/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.05**	1
409	DTZ6352919	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	14/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.60**	1
410	DTZ8901555	Vũ Thanh	Hồng	Nữ	23/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.15**	1
411	DTZ10962206	Lương Thị	Huê	Nữ	26/08/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.05**	1
412	DTZ7652248	Hoàng Thị Kim	Huế	Nữ	10/11/2004	Tày	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**24.40**	1
413	DTZ8184242	Hứa Thị Thu	Huế	Nữ	27/11/2004	Nùng	Huyện Quảng Uyên, Cao Bằng	7310614	Hàn Quốc học	**27.30**	1
414	DTZ5368509	Mai Thị	Huế	Nữ	01/02/2004	Kinh	Huyện Nga Sơn, Thanh Hóa	7310612	Trung Quốc học	**27.20**	1
415	DTZ7931893	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	24/04/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.35**	1
416	DTZ10794397	Nguyễn Thị Thu	Huế	Nữ	12/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.90**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
417	DTZ9049107	Vy Thị	Huế	Nữ	15/09/2004	Sán chí	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.05**	1
418	DTZ7009254	Đào Kim	Huệ	Nữ	31/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.85**	1
419	DTZ9293990	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	18/07/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.50**	1
420	DTZ9247039	Nguyễn Hồng	Huệ	Nữ	04/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**22.80**	2
421	DTZ1914215	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	13/05/2002	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.10**	1
422	DTZ3285138	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	17/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.30**	1
423	DTZ4109901	Thân Thị	Huệ	Nữ	05/12/2004	Kinh	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.40**	1
424	DTZ6619593	Trần Thị	Huệ	Nữ	03/02/2004	Kinh	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**24.85**	1
425	DTZ4402649	Vi Thị	Huệ	Nữ	19/02/2004	Tày	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.65**	1
426	DTZ1424499	Lý Mạnh	Hùng	Nam	03/03/2003	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.55**	1
427	DTZ268357	Ngô Minh	Hùng	Nam	08/11/2004	Kinh	Thành phố Móng Cái, Quảng Ninh	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.95**	1
428	DTZ7132561	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	11/04/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**20.30**	1
429	DTZ2194740	Diệp Thị	Hương	Nữ	06/06/2003	Sán Dìu	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.35**	1
430	DTZ2585243	Diệp Thị	Hương	Nữ	06/06/2003	Sán Dìu	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.35**	1
431	DTZ11306810	Đoàn Việt	Hương	Nữ	30/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.80**	2
432	DTZ1538425	Dương Lưu	Hương	Nữ	10/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.85**	1
433	DTZ6945985	Dương Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24/12/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.65**	1
434	DTZ8952583	Dương Thu	Hương	Nữ	17/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**24.90**	1
435	DTZ5713932	Hoàng Thảo	Hương	Nữ	16/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.80**	1
436	DTZ6732432	Lê Quỳnh	Hương	Nữ	29/12/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.60**	1
437	DTZ11756239	Lương Thị Lan	Hương	Nữ	13/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**21.35**	1
438	DTZ13666471	Lưu Thị	Hương	Nữ	16/08/2004	Sán Dìu	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.90**	1
439	DTZ3673074	Lưu Thu	Hương	Nữ	12/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.75**	1
440	DTZ5524821	Lý Thị	Hương	Nữ	01/07/2004	Nùng	Huyện Quảng Uyên, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**29.85**	1
441	DTZ10398371	Mã Thùy	Hương	Nữ	02/03/2004	Nùng	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.60**	1
442	DTZ2398433	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	05/03/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**22.85**	2
443	DTZ9664623	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	27/01/2004	Kinh	Huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.75**	1
444	DTZ8912030	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	06/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.65**	1
445	DTZ8794456	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	29/01/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.50**	1
446	DTZ8295231	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	21/09/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7380101	Luật	**28.90**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
447	DTZ1487580	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.85**	1
448	DTZ7021131	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	25/02/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.75**	1
449	DTZ2714301	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	15/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**20.25**	1
450	DTZ7961212	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	17/09/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**22.50**	1
451	DTZ2553858	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	23/08/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**25.50**	1
452	DTZ3121382	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	23/08/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.50**	1
453	DTZ8765985	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	11/11/2004	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.40**	1
454	DTZ4972677	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	10/06/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**21.25**	1
455	DTZ12846243	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	29/01/2004	Kinh	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.90**	1
456	DTZ6509037	Nguyễn Thùy	Hương	Nữ	01/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**24.65**	1
457	DTZ10303939	Nguyễn Xuân	Hương	Nữ	06/03/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.55**	1
458	DTZ13218856	Nông Thị Lan	Hương	Nam	14/06/2004	Tày	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**25.55**	1
459	DTZ29310	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	16/03/2004	Cao Lan	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.05**	1
460	DTZ280848	Hồ Thị	Hướng	Nữ	08/07/2004	Kinh	Huyện Quỳ Hợp, Nghệ An	7310614	Hàn Quốc học	**27.65**	1
461	DTZ279792	Hồ Thị	Hướng	Nữ	24/02/2004	Kinh	Huyện Quỳ Hợp, Nghệ An	7310614	Hàn Quốc học	**27.65**	1
462	DTZ3099280	Dương Thị	Hường	Nữ	03/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**22.90**	1
463	DTZ544377	Lê Thị Thanh	Hường	Nữ	01/05/2004	Kinh	Huyện Mỹ Đức, Hà Nội	7229010	Lịch sử	**26.70**	1
464	DTZ15574376	Lý Thị Linh	Hường	Nữ	17/03/2004	Dao	Huyện Pác Nặm, Bắc Kạn	7340401	Khoa học quản lý	**25.75**	1
465	DTZ634296	Nguyễn Ngọc	Hường	Nữ	25/06/2004	Kinh	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.05**	1
466	DTZ14804050	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	17/05/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
467	DTZ11263279	Nguyễn Thị Thuý	Hường	Nữ	18/08/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.85**	1
468	DTZ5438442	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	07/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.75**	1
469	DTZ13617989	Nông Thị Thu	Hường	Nữ	15/10/2003	Tày	Huyện Trùng Khánh, Cao Bằng	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**27.00**	1
470	DTZ3293786	Phạm Thị	Hường	Nữ	18/03/2003	Kinh	Huyện Thanh Miện, Hải Dương	7310612	Trung Quốc học	**25.30**	1
471	DTZ3789884	Trần Thị	Hường	Nữ	02/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.25**	1
472	DTZ14601814	Trần Thị	Hường	Nữ	26/09/2003	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.40**	1
473	DTZ10113581	Trương Thúy	Hường	Nữ	08/09/2004	Kinh	Huyện Yên Thủy, Hòa Bình	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**22.60**	1
474	DTZ899764	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	12/12/2004	Kinh	Huyện Thanh Liêm, Hà Nam	7720203	Hoá dược	**27.45**	1
475	DTZ6248580	Nguyễn PhưƠNg	Huy	Nam	14/05/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7810101	Du lịch	**20.70**	1
476	DTZ215750	Nguyễn Quang	Huy	Nam	28/08/2004	Kinh	Huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	7340401	Khoa học quản lý	**26.75**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
477	DTZ6093935	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	14/10/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7380101	Luật	**24.55**	1
478	DTZ8839452	Vi Thị	Huyên	Nữ	20/01/2004	Giáy	Huyện Đồng Văn, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.95**	1
479	DTZ12265709	Chu Thị	Huyền	Nữ	05/02/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.80**	1
480	DTZ1601294	Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	13/02/2004	Kinh	Huyện Sông Mã, Sơn La	7310612	Trung Quốc học	**25.25**	1
481	DTZ20269	Đinh Thị	Huyền	Nữ	21/05/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**24.65**	1
482	DTZ3164948	Đinh Thu	Huyền	Nữ	18/01/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.35**	1
483	DTZ4018037	Dương Thị	Huyền	Nữ	26/02/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.35**	1
484	DTZ10952443	Dương Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/12/2004	Kinh	Huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.90**	1
485	DTZ11535717	Hà Khánh	Huyền	Nữ	17/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.60**	1
486	DTZ11379742	Hoàng Diệu	Huyền	Nữ	30/07/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**22.05**	1
487	DTZ403289	Hoàng Thị Khánh	Huyền	Nữ	04/09/2004	Kinh	Huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	7340401	Khoa học quản lý	**21.85**	1
488	DTZ4479828	Lâm Thị Minh	Huyền	Nữ	09/12/2004	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7340401	Khoa học quản lý	**22.25**	1
489	DTZ8685136	Lang Thị	Huyền	Nữ	15/04/2004	Thái	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.05**	1
490	DTZ4229745	Lê Thị	Huyền	Nữ	24/02/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**23.30**	1
491	DTZ12714849	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**21.75**	1
492	DTZ8128548	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**22.20**	1
493	DTZ13451953	Lô Thị	Huyền	Nữ	10/06/2004	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.35**	1
494	DTZ10726662	Mạc Bích	Huyền	Nữ	12/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**26.10**	1
495	DTZ4244963	Mông Thu	Huyền	Nữ	08/02/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.35**	1
496	DTZ8941204	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	23/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.60**	1
497	DTZ7873355	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	31/03/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.75**	1
498	DTZ1857767	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/02/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**24.45**	1
499	DTZ10715544	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/01/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**25.85**	1
500	DTZ6859018	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	11/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**28.30**	1
501	DTZ12767169	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/11/2003	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.05**	1
502	DTZ4587508	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/06/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**20.95**	1
503	DTZ12178508	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/05/2004	Thổ	Huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.85**	1
504	DTZ12331592	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	17/09/2004	Kinh	Huyện Khoái Châu, Hưng Yên	7380101	Luật	**28.65**	1
505	DTZ12367168	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	14/01/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.70**	1
506	DTZ10092328	Phạm Thu	Huyền	Nữ	15/09/2004	Kinh	Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**29.20**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
507	DTZ11008609	Tạ Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.35**	1
508	DTZ5562726	Trần Thị	Huyền	Nữ	01/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.20**	1
509	DTZ2747412	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	10/04/2004	Kinh	Huyện Văn Bàn, Lào Cai	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**23.85**	1
510	DTZ5696858	Trịnh Thị	Huyền	Nữ	15/07/2004	Kinh	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**24.45**	1
511	DTZ2618472	Vũ Ngọc	Huyền	Nữ	24/07/2004	Kinh	Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**25.45**	1
512	DTZ11161379	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	08/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**24.75**	1
513	DTZ745096	Vũ Thu	Huyền	Nữ	10/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.55**	1
514	DTZ492979	Vương Khánh	Huyền	Nữ	31/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.65**	1
515	DTZ8429322	Hà Văn	Huynh	Nam	28/05/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7310614	Hàn Quốc học	**26.05**	1
516	DTZ13487316	Hoàng Tiến	Khải	Nam	07/11/2003	Kinh	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**23.40**	1
517	DTZ9612488	Thịnh Quang	Khải	Nam	26/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.45**	1
518	DTZ11545620	Hà Lâm	Khang	Nam	09/08/2004	Mường	Huyện Quan Hóa, Thanh Hóa	7310614	Hàn Quốc học	**23.60**	1
519	DTZ7102285	Hà Lâm	Khang	Nam	09/08/2004	Mường	Huyện Quan Hóa, Thanh Hóa	7310614	Hàn Quốc học	**23.60**	1
520	DTZ12138760	Nguyễn Kim	Khang	Nam	18/02/2004	Kinh	Quận Long Biên, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.50**	1
521	DTZ14214505	Nguyễn Thị An	Khang	Nữ	19/06/2004	Kinh	Huyện Tam Nông, Phú Thọ	7380101	Luật	**26.85**	1
522	DTZ5605518	Dương Quang	Khánh	Nam	05/08/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.40**	1
523	DTZ7539345	Nguyễn Nhữ Ngọc	Khánh	Nam	13/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.35**	1
524	DTZ3754175	Tòng Thị	Khánh	Nữ	24/11/2004	Thái	Huyện Tủa Chùa, Điện Biên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.55**	1
525	DTZ1829346	Trần Quốc	Khánh	Nam	23/04/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**29.15**	1
526	DTZ3179524	Triệu Thị	Khánh	Nữ	04/06/2004	Dao	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.75**	1
527	DTZ4861359	Trịnh Thị Kim	Khánh	Nữ	14/11/2004	Kinh	Huyện Đông Hưng, Thái Bình	7460101	Toán học	**26.25**	1
528	DTZ2466586	Dương Doãn	Khoa	Nam	12/09/2003	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7380101	Luật	**24.65**	1
529	DTZ1949800	Tô Văn	Khởi	Nam	17/10/2004	Sán Dìu	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**25.95**	1
530	DTZ5462955	Hoàng Thị	Khuyên	Nữ	25/04/2004	Tày	Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**29.10**	1
531	DTZ33900	Nguyễn Nông	Khuyến	Nam	17/10/2001	Ngạn	Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.55**	1
532	DTZ4291480	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	27/08/2004	Kinh	Huyện Thường Tín, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.65**	1
533	DTZ9268367	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	21/09/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.75**	1
534	DTZ5104195	Vi Trung	Kiên	Nam	11/01/2004	Thái	Huyện Quan Hóa, Thanh Hóa	7810101	Du lịch	**23.35**	1
535	DTZ2445888	Vũ Trung	Kiên	Nam	30/07/2004	Kinh	Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	7380101	Luật	**22.65**	1
536	DTZ532412	Nông Thu	Kiều	Nữ	14/04/2002	Tày	TP Cao Bằng, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**25.55**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
537	DTZ13921524	Phạm Thị	Kiều	Nữ	16/09/2004	Sán chí	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.95**	1
538	DTZ6657875	Trần ViệT	Kiều	Nữ	03/04/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**27.65**	1
539	DTZ7363863	Hoàng Thị	Là	Nữ	19/04/2004	Nùng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.45**	1
540	DTZ13419275	Nguyễn Ngọc	Lam	Nữ	26/06/2004	Kinh	Huyện Tiền Hải, Thái Bình	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**24.45**	1
541	DTZ12393103	Đinh Quang	Lâm	Nam	26/10/2000	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.60**	1
542	DTZ9738471	Hà Đức	Lâm	Nam	13/04/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.40**	1
543	DTZ62272	Phạm Tùng	Lâm	Nam	22/08/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**22.95**	1
544	DTZ13052936	Trương Tùng	Lâm	Nam	10/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**23.55**	2
545	DTZ1164692	Bùi Thị Thu	Lan	Nữ	28/07/2004	Mường	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	7310614	Hàn Quốc học	**25.65**	1
546	DTZ2065649	Đỗ Thị	Lan	Nữ	04/02/2004	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.75**	1
547	DTZ7111492	Dương Thủy	Lan	Nữ	24/06/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.00**	1
548	DTZ1864824	Hà Thị	Lan	Nữ	09/05/2002	Kinh	Huyện Kim Sơn, Ninh Bình	7310614	Hàn Quốc học	**23.05**	1
549	DTZ3902267	Hồ Ngọc	Lan	Nữ	04/11/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**22.75**	1
550	DTZ7906243	Hoàng Hương	Lan	Nữ	15/09/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.30**	1
551	DTZ4199999	Hoàng Ngọc	Lan	Nữ	14/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**23.05**	2
552	DTZ3622921	Hoàng Phước	Lan	Nữ	31/08/2004	Tày	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7229030	Văn học	**29.35**	1
553	DTZ657807	Lương Ngọc	Lan	Nữ	25/07/2004	Cao Lan	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.55**	1
554	DTZ12189753	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	29/04/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.75**	1
555	DTZ931971	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	11/09/2004	Tày	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.15**	1
556	DTZ5943603	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	Nữ	14/11/2004	Kinh	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.00**	1
557	DTZ10703872	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	13/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.70**	1
558	DTZ13162268	Phạm Ngọc	Lan	Nữ	25/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.15**	1
559	DTZ11311490	Phùng Thị Kim	Lan	Nữ	11/09/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.85**	1
560	DTZ526168	Trương Thị Ngọc	Lan	Nữ	02/08/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7340401	Khoa học quản lý	**22.25**	2
561	DTZ14668673	Vũ Ngọc	Lan	Nữ	12/01/2004	Kinh	Huyện Thái Thụy, Thái Bình	7310614	Hàn Quốc học	**28.65**	1
562	DTZ10879250	Phạm Ứng	Lân	Nam	17/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.70**	1
563	DTZ4412839	Hoàng Ngọc	Lành	Nữ	09/10/2004	Nùng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**26.75**	1
564	DTZ12897247	Lưu Thị	Lắt	Nữ	15/07/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.90**	1
565	DTZ158947	Nguyễn Thị Nhất	Lâu	Nữ	01/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.40**	2
566	DTZ7645488	Đỗ Thị	Lệ	Nữ	12/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.25**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
567	DTZ13326493	Đỗ Thị	Lệ	Nữ	12/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	23.5	3
568	DTZ12818240	Lê Nguyễn Nhật	Lệ	Nữ	06/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.50**	1
569	DTZ12942398	Nguyễn Ngọc	Lệ	Nữ	05/05/2004	Nùng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**25.40**	1
570	DTZ1014411	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	19/08/2004	Tày	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.55**	1
571	DTZ4366854	Hoàng Cát	Lem	Nữ	08/12/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.45**	1
572	DTZ8301963	Nguyễn Thị	Len	Nữ	11/06/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.90**	1
573	DTZ12927527	Đặng Thị	Lịch	Nữ	25/08/2004	Dao	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**20.15**	1
574	DTZ14147488	Nguyễn Thị Thanh	Lịch	Nữ	10/02/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.25**	1
575	DTZ14281501	Dương Thị	Liên	Nam	11/07/2003	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**24.30**	1
576	DTZ3344153	Dương Thị Bích	Liên	Nữ	19/03/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.65**	1
577	DTZ9659436	Hứa Thị	Liên	Nữ	29/11/2004	Nùng	Huyện Cao Lộc, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**26.60**	1
578	DTZ9118689	Lê Thị Phương	Liên	Nữ	20/08/2003	Kinh	Huyện Thanh Hà, Hải Dương	7320101	Báo chí	**25.50**	1
579	DTZ7591453	Bàn Thị	Liễu	Nữ	07/10/2004	Dao	Huyện Nguyên Bình, Cao Bằng	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**28.40**	1
580	DTZ6167453	Tạ Thị	Liễu	Nữ	23/12/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.75**	1
581	DTZ13865380	Bùi Ngọc	Linh	Nữ	09/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.05**	1
582	DTZ9034891	Cà Thị Mai	Linh	Nữ	12/02/2004	Thái	Thành phố Sơn La, Sơn La	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**25.00**	1
583	DTZ14891425	Chu Hồng	Linh	Nữ	21/01/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.95**	1
584	DTZ6002995	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	10/06/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**24.75**	1
585	DTZ1525224	Đặng Thùy	Linh	Nữ	24/07/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.95**	1
586	DTZ13876350	Đinh Thị	Linh	Nữ	25/04/2004	Mường	Huyện Mộc Châu, Sơn La	7380101	Luật	**24.65**	1
587	DTZ5749206	Đinh Thị Hà	Linh	Nữ	07/05/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.75**	1
588	DTZ6553770	Đinh Thùy	Linh	Nữ	17/05/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.70**	1
589	DTZ6692690	Đỗ Khánh	Linh	Nữ	09/04/2004	Kinh	Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	7310614	Hàn Quốc học	**25.10**	1
590	DTZ649544	Đỗ Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	29/11/2004	Kinh	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.20**	1
591	DTZ2232954	Đỗ Thị	Linh	Nữ	05/11/2004	Kinh	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa	7310612	Trung Quốc học	**23.50**	1
592	DTZ4957847	Đỗ Thuỳ	Linh	Nữ	07/08/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**20.95**	1
593	DTZ9058997	Đoàn Khánh	Linh	Nữ	18/11/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7320201	Thông tin - Thư viện	**23.25**	1
594	DTZ14045251	Đồng Ngọc	Linh	Nữ	07/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**29.45**	1
595	DTZ296122	Dương Yến	Linh	Nữ	15/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**28.45**	1
596	DTZ1699198	Hà Thị Khánh	Linh	Nữ	14/08/2004	Nùng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.45**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
597	DTZ1261360	Hoàng Thị	Linh	Nữ	24/10/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.95**	1
598	DTZ14154079	Hoàng Trần Diệp	Linh	Nữ	06/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	**7340401**	Khoa học quản lý	**23.60**	1
599	DTZ11963758	Lê Đào Thảo	Linh	Nữ	26/01/2004	Kinh	Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	7380101	Luật	**26.55**	1
600	DTZ5619169	Lê Khánh	Linh	Nữ	13/02/2003	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**24.90**	1
601	DTZ2251724	Lê Khánh	Linh	Nữ	28/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.65**	1
602	DTZ8842811	Lê Mỹ	Linh	Nữ	07/07/2004	Kinh	Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	7320101	Báo chí	**26.50**	1
603	DTZ9231998	Lê Thùy	Linh	Nữ	08/08/2004	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.50**	1
604	DTZ9207607	Lê Thùy	Linh	Nữ	24/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**27.40**	1
605	DTZ13205660	Luân Thị	Linh	Nữ	02/10/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.20**	1
606	DTZ7062092	Lục Vân Khánh	Linh	Nữ	13/01/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.80**	1
607	DTZ943060	Lý Thị Thùy	Linh	Nữ	01/06/2004	Dao	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.15**	1
608	DTZ10548619	Ma Thùy	Linh	Nữ	13/09/2004	Tày	Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.10**	1
609	DTZ9093464	Ngô Thị Ngọc	Linh	Nữ	26/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.20**	1
610	DTZ963229	Ngô Thuỳ	Linh	Nữ	10/12/2004	Mường	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.20**	1
611	DTZ6397457	Nguyễn Anh Thùy	Linh	Nữ	14/11/2004	Kinh	Thị xã Nghĩa Lộ, Yên Bái	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**23.80**	1
612	DTZ11607704	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	09/07/2004	Kinh	Huyện Ba Vì, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**26.30**	1
613	DTZ5892686	Nguyễn Đỗ Ngọc	Linh	Nữ	03/08/2004	Kinh	Huyện Kim Sơn, Ninh Bình	7310612	Trung Quốc học	**25.80**	1
614	DTZ7606763	Nguyễn Hoài	Linh	Nữ	29/11/2004	Kinh	Huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.50**	1
615	DTZ909869	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	05/11/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.45**	1
616	DTZ2376642	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	12/06/2004	Kinh	Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.75**	1
617	DTZ1192288	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	12/12/2004	Kinh	Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.45**	1
618	DTZ348393	Nguyễn Nhất	Linh	Nữ	11/02/2003	Kinh	Huyện Mỹ Đức, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**23.85**	1
619	DTZ14786747	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	01/10/2004	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.55**	1
620	DTZ9025508	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	18/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7320201	Thông tin - Thư viện	**25.40**	1
621	DTZ13553211	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	14/08/2003	Kinh	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**24.85**	1
622	DTZ15752489	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	20/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.60**	1
623	DTZ6518673	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	27/03/2004	Kinh	Huyện Tân Kỳ, Nghệ An	7380101	Luật	**26.85**	1
624	DTZ4764533	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	18/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.00**	1
625	DTZ10553403	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.55**	1
626	DTZ5924558	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	21/06/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.25**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
627	DTZ10759335	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	23/10/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**27.25**	1
628	DTZ1744772	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	21/04/2004	Kinh	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	7340401	Khoa học quản lý	**20.80**	1
629	DTZ15363248	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	03/10/2004	Kinh	Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	7460117	Toán tin	**27.55**	1
630	DTZ13509106	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**25.35**	1
631	DTZ6136997	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	19/05/2004	Kinh	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**24.50**	1
632	DTZ914270	Nông Khánh	Linh	Nữ	18/01/2003	Tày	Huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang	7310612	Trung Quốc học	**24.05**	1
633	DTZ12748601	Nông Thị Bảo	Linh	Nữ	07/02/2004	Tày	TP Cao Bằng, Cao Bằng	7380101	Luật	**20.65**	1
634	DTZ14475803	Phạm Hồng	Linh	Nữ	31/01/2004	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.65**	1
635	DTZ7566137	Phạm Khánh	Linh	Nữ	12/03/2004	Kinh	Huyện Văn Yên, Yên Bái	7380101	Luật	**27.00**	1
636	DTZ1407137	Phạm Mai	Linh	Nữ	18/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.05**	1
637	DTZ7157199	Phàn Kiều	Linh	Nữ	17/03/2004	Dao	Huyện Tam Đường, Lai Châu	7810101	Du lịch	**25.40**	1
638	DTZ9221687	Phan Thị Thùy	Linh	Nữ	10/10/2004	Tày	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.55**	1
639	DTZ11983580	Trần Khánh	Linh	Nữ	27/08/2004	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.85**	1
640	DTZ134639	Trần Ngọc	Linh	Nữ	21/01/2004	Kinh	Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	7720203	Hoá dược	**28.60**	1
641	DTZ12993725	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	20/12/2004	Kinh	Huyện Lý Nhân, Hà Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.65**	1
642	DTZ995488	Trần Thị Mai	Linh	Nữ	09/06/2003	Sán chí	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**22.10**	1
643	DTZ9434171	Trần Thị Ngọc	Linh	Nữ	09/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.20**	1
644	DTZ13222701	Triệu Thùy	Linh	Nữ	22/11/2004	Tày	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**24.00**	1
645	DTZ1089720	Trịnh Thảo	Linh	Nữ	25/07/2004	Kinh	Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	7380101	Luật	**24.95**	1
646	DTZ36163	Trương Ngọc Thuỳ	Linh	Nữ	28/04/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.05**	1
647	DTZ14576748	Trương Thị Thùy	Linh	Nữ	14/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.95**	1
648	DTZ2828816	Trương Thuỳ	Linh	Nữ	08/06/2004	Sán Dìu	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.55**	1
649	DTZ23398	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	25/05/2002	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.15**	1
650	DTZ15013324	Lỳ Gạ	Lớ	Nữ	11/11/2004	Hà nhì	Huyện Mường Tè, Lai Châu	7320201	Thông tin - Thư viện	**25.20**	1
651	DTZ6779601	Hoàng Thị	Loan	Nữ	01/01/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.90**	1
652	DTZ308546	Lưu Thị Mai	Loan	Nữ	03/02/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.35**	1
653	DTZ15192933	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	19/07/2004	Kinh	Huyện Ứng Hòa, Hà Nội	7760101	Công tác xã hội	**25.10**	1
654	DTZ1133402	Vũ Thị Kiều	Loan	Nữ	27/01/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.90**	1
655	DTZ10262675	Bùi Hải	Long	Nam	15/09/2004	Kinh	Huyện Tân Lạc, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.40**	1
656	DTZ12124466	Hoàng Gia	Long	Nam	27/11/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**24.10**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
657	DTZ15169577	Mạc Tuấn	Long	Nam	05/02/2000	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**20.45**	1
658	DTZ1254704	Phan Huy	Long	Nam	01/06/2004	Nùng	Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	7340401	Khoa học quản lý	**23.55**	1
659	DTZ646132	Phùng Văn	Long	Nam	24/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.75**	1
660	DTZ7296462	Thào A	Lồng	Nam	20/11/2004	Mông	Huyện Nậm Pồ, Điện Biên	7310614	Hàn Quốc học	**25.05**	1
661	DTZ6982446	Lộc Thị	Luân	Nữ	14/10/2004	Nùng	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.20**	1
662	DTZ5381154	Nguyễn Thành	Luân	Nam	11/02/2004	Kinh	Huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	7310614	Hàn Quốc học	**24.95**	1
663	DTZ13492193	Hà Thị	Luật	Nữ	15/07/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.60**	1
664	DTZ13905814	Hoàng Đình	Luật	Nam	26/03/2004	Tày	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.40**	1
665	DTZ2288729	Đinh Hiền	Lương	Nữ	09/06/2000	Kinh	Thành phố Phủ Lý, Hà Nam	7380101	Luật	**22.35**	1
666	DTZ5221646	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	04/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**24.65**	1
667	DTZ10516754	Nguyễn Thị Hiền	Lương	Nữ	28/02/2004	Kinh	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.75**	1
668	DTZ2951716	Tống Duy	Lương	Nam	05/07/2004	Kinh	Huyện Thái Thụy, Thái Bình	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**22.60**	1
669	DTZ6588599	Trần Thị	Lương	Nữ	30/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**20.90**	1
670	DTZ15726744	Ngô Xuân	Lường	Nam	13/10/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**24.25**	1
671	DTZ11889569	Đinh Thị	Luyến	Nữ	04/05/2004	Mường	Huyện Mai Châu, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.20**	1
672	DTZ3825029	Nguyễn Thị Kim	Luyến	Nữ	26/11/2003	Kinh	Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.50**	1
673	DTZ9107657	Phan Thị	Luyến	Nữ	06/01/2004	Nùng	Huyện Hòa An, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.55**	1
674	DTZ673005	Chu Thị Hải	Ly	Nữ	05/12/2003	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**20.55**	2
675	DTZ10428485	Đặng Khánh	Ly	Nữ	22/10/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.00**	1
676	DTZ273505	Diệp Thị Hương	Ly	Nữ	29/01/2004	Sán Dìu	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.15**	1
677	DTZ10151014	Đỗ Ngọc	Ly	Nữ	16/08/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.65**	1
678	DTZ3016441	Dương Thị	Ly	Nữ	03/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**22.30**	1
679	DTZ311847	Hà Khánh	Ly	Nữ	14/03/2004	Tày	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.45**	1
680	DTZ9984866	Hầu Thị Kim	Ly	Nữ	19/10/2004	Sán chí	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**28.35**	1
681	DTZ13789691	Hoàng Thị Hương	Ly	Nữ	25/10/2004	Nùng	Huyện Hạ Lang, Cao Bằng	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.65**	1
682	DTZ14581557	Lê Thị Cẩm	Ly	Nữ	04/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**22.65**	1
683	DTZ15775837	Lê Thị Yến	Ly	Nữ	24/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.15**	1
684	DTZ15781202	Lương Thảo	Ly	Nữ	26/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7460117	Toán tin	**22.60**	1
685	DTZ4616587	Ngô Ngọc	Ly	Nữ	30/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.50**	1
686	DTZ15074112	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	09/11/2002	Kinh	Huyện Gia Bình, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**25.45**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
687	DTZ724058	Nguyễn Thị Hà	Ly	Nữ	26/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.65**	1
688	DTZ9519333	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	08/06/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.45**	1
689	DTZ506108	Nông Khánh	Ly	Nữ	07/05/2004	Nùng	Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**28.35**	1
690	DTZ9582005	Phạm Thị Diễm	Ly	Nữ	23/02/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.00**	1
691	DTZ10675233	Phạm Thị Khánh	Ly	Nữ	04/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.45**	1
692	DTZ1077352	Tống Ngọc	Ly	Nữ	23/02/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.00**	1
693	DTZ9689547	Vũ Thị	Ly	Nữ	22/09/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7720203	Hoá dược	**25.55**	1
694	DTZ2981960	Vừ Thị Sa	Ly	Nữ	16/10/2004	Mông	Huyện Mai Sơn, Sơn La	7310612	Trung Quốc học	**26.15**	1
695	DTZ10125917	Lê Thị Hồng	Lý	Nữ	16/08/2004	Dao	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.45**	1
696	DTZ10803541	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	26/09/2004	Kinh	Huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**27.05**	1
697	DTZ8659029	Đặng Ngọc	Mai	Nữ	24/02/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.05**	1
698	DTZ13543137	Đồng Thị	Mai	Nữ	26/11/2004	Kinh	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.00**	1
699	DTZ13247900	Dương Ngọc	Mai	Nữ	15/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.70**	1
700	DTZ7475788	Dương Thị Hoa	Mai	Nữ	19/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.05**	1
701	DTZ7259756	Hoàng Thị	Mai	Nữ	18/02/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**26.60**	1
702	DTZ10431338	Hứa Phan Ban	Mai	Nữ	28/12/2004	Nùng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.85**	1
703	DTZ5955760	Lại Thị Tuyết	Mai	Nữ	10/10/2004	Kinh	Huyện Diễn Châu, Nghệ An	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**27.55**	1
704	DTZ605537	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	28/07/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**24.90**	1
705	DTZ3968993	Lương Như	Mai	Nữ	16/09/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.55**	1
706	DTZ13385751	Ma Thị	Mai	Nữ	28/06/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**26.80**	1
707	DTZ504243	Ngô Hồng	Mai	Nữ	10/10/2020	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.75**	1
708	DTZ5317683	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	19/02/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.30**	1
709	DTZ6117341	Nguyễn Thị Hương	Mai	Nữ	29/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**25.90**	1
710	DTZ5034777	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	01/08/2004	Kinh	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**22.80**	1
711	DTZ5973199	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23/05/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.35**	1
712	DTZ5052593	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23/05/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.35**	1
713	DTZ3191363	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	23/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.75**	1
714	DTZ11346008	Tạ Hoa	Mai	Nữ	24/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.90**	1
715	DTZ2164122	Tô Ngọc	Mai	Nữ	13/06/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**28.75**	1
716	DTZ469192	Tô Ngọc	Mai	Nữ	13/06/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**28.85**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
717	DTZ7855116	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	07/04/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.35**	1
718	DTZ11115181	Triệu Hồng	Mai	Nữ	15/10/2004	Dao	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.65**	1
719	DTZ10594304	Triệu Thị	Mai	Nữ	08/10/2004	Nùng	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**25.60**	1
720	DTZ10748253	Vũ Thị Xuân	Mai	Nữ	25/01/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.90**	1
721	DTZ612156	Bùi Đức	Mạnh	Nam	24/05/2004	Mường	Huyện Cao Phong, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.75**	1
722	DTZ8698648	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	03/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**22.15**	1
723	DTZ802665	Phạm Đức	Mạnh	Nam	20/10/2002	Kinh	Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng	7310614	Hàn Quốc học	**23.45**	1
724	DTZ608586	Ngô Thị	Mây	Nữ	06/03/2004	Mông	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.85**	1
725	DTZ5853128	Nguyễn Thị	Mây	Nữ	21/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.50**	1
726	DTZ5878961	Nguyễn Thị	Mây	Nữ	21/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.50**	1
727	DTZ11494324	Nông Thị Thanh	Mây	Nữ	31/01/2004	Tày	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7380101	Luật	**26.05**	1
728	DTZ8861562	Trần Thị	Mây	Nữ	29/02/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.05**	1
729	DTZ1300334	Bùi Hồng	Minh	Nam	30/05/2004	Kinh	Huyện Mai Sơn, Sơn La	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**24.65**	1
730	DTZ10355545	Bùi Thanh	Minh	Nam	28/08/2004	Kinh	Huyện Đức Linh, Bình Thuận	7460117	Toán tin	**26.75**	1
731	DTZ5789934	Đỗ Hoàng	Minh	Nam	12/03/2004	Kinh	Huyện Mỹ Đức, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**25.95**	1
732	DTZ10615355	Đỗ Nguyễn Bình	Minh	Nam	15/12/2004	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7380101	Luật	**24.35**	1
733	DTZ5764398	Dương Thị	Minh	Nữ	11/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.35**	1
734	DTZ12724689	Nguyễn Đức	Minh	Nam	31/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.15**	1
735	DTZ2649722	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	18/02/2004	Kinh	Huyện Ứng Hòa, Hà Nội	7380101	Luật	**24.95**	1
736	DTZ14754916	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	09/06/2004	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7460117	Toán tin	**24.00**	1
737	DTZ8092452	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	15/11/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.05**	1
738	DTZ1213505	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	15/01/2003	Kinh	Huyện Yên Thành, Nghệ An	7310612	Trung Quốc học	**25.55**	1
739	DTZ8269428	Tạ Đức	Minh	Nam	30/08/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.00**	1
740	DTZ5113819	Triệu Quang	Minh	Nam	11/12/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.85**	1
741	DTZ5162083	Triệu Quang	Minh	Nam	11/12/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7380101	Luật	**23.35**	1
742	DTZ10221854	Chu Phò	Mư	Nữ	20/01/2004	Hà nhì	Huyện Mường Tè, Lai Châu	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.90**	1
743	DTZ9788708	Hạng A	Mùa	Nam	05/01/2004	Mông	Huyện Mường Nhé, Điện Biên	7310614	Hàn Quốc học	**23.75**	1
744	DTZ504366	Đào Thị Trà	My	Nữ	03/02/2004	Kinh	Huyện Đak Đoa, Gia Lai	7229030	Văn học	**22.15**	1
745	DTZ13764553	Đới Huyền	My	Nữ	28/09/2004	Kinh	Huyện Yên Định, Thanh Hóa	7720203	Hoá dược	**25.95**	1
746	DTZ1701790	Hoàng Nguyễn Trà	My	Nữ	07/12/2004	Kinh	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.30**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
747	DTZ8494983	Hoàng Thị Thảo	My	Nữ	12/08/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**24.55**	1
748	DTZ2262299	Hoàng Thị Trà	My	Nữ	15/09/2003	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310614	Hàn Quốc học	**23.60**	1
749	DTZ11273482	Lê Hà	My	Nữ	30/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.65**	1
750	DTZ12411939	Lưu Thị Trà	My	Nữ	14/08/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.30**	1
751	DTZ7588045	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	02/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.90**	1
752	DTZ1381949	Phạm Trà	My	Nữ	12/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.55**	1
753	DTZ4572574	Trần Thị Hà	My	Nữ	30/10/2004	Kinh	Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	7380101	Luật	**25.55**	1
754	DTZ3728080	Vũ Huyền Diệu	My	Nữ	16/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.85**	1
755	DTZ851142	Hạng Thị	Mỷ	Nữ	25/05/2004	Mông	Huyện Xín Mần, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.65**	1
756	DTZ9191229	Hoàng Thị Ngọc	Na	Nữ	11/02/2004	Tày	Huyện Pác Nặm, Bắc Kạn	7340401	Khoa học quản lý	**23.55**	1
757	DTZ15145998	Nguyễn Thị Ngọc	Na	Nam	03/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**24.90**	1
758	DTZ13139453	Trần Thị	Na	Nữ	19/03/2004	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.90**	1
759	DTZ3159085	Bàn Phương	Nam	Nam	28/02/2004	Dao	Huyện Vân Hồ, Sơn La	7229010	Lịch sử	**25.35**	1
760	DTZ6062305	Hoàng Văn	Nam	Nam	01/11/2004	Nùng	Huyện Bảo Lạc, Cao Bằng	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.15**	1
761	DTZ10389912	Nguyễn Đinh Khánh	Nam	Nam	15/10/2004	Kinh	Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	7220201	Ngôn ngữ Anh	**21.95**	1
762	DTZ11742813	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	Nam	25/06/2004	Kinh	Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.60**	1
763	DTZ11766499	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	Nam	25/06/2004	Kinh	Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.40**	1
764	DTZ5933386	Nguyễn Phương	Nam	Nam	01/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.05**	1
765	DTZ15511039	Tống Hoàng	Nam	Nam	11/02/2002	Kinh	Huyện Kinh Môn, Hải Dương	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**23.70**	1
766	DTZ6889275	Đặng Thị	Nga	Nữ	05/06/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.70**	1
767	DTZ6897158	Đặng Thị	Nga	Nữ	05/06/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.70**	1
768	DTZ15623483	Hà Triệu	Nga	Nữ	14/09/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.15**	1
769	DTZ3957466	Hoàng Thị	Nga	Nữ	13/02/2004	Kinh	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa	7320101	Báo chí	**24.85**	1
770	DTZ7943763	Hứa Nguyệt	Nga	Nữ	12/01/2004	Nùng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.80**	1
771	DTZ89218	Lâm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	18/03/2004	Nùng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**28.10**	1
772	DTZ2304689	Lê Quỳnh	Nga	Nữ	05/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.95**	1
773	DTZ2565131	Mạc Thị	Nga	Nữ	05/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.65**	1
774	DTZ14695755	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	29/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.55**	1
775	DTZ11238028	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	09/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.45**	1
776	DTZ406944	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	Nữ	23/09/2004	Kinh	Huyện Ba Vì, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.25**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
777	DTZ6477829	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	06/09/2004	Kinh	Huyện Văn Chấn, Yên Bái	7320101	Báo chí	**23.90**	1
778	DTZ13853997	Phạm Thị	Nga	Nữ	17/09/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**22.30**	1
779	DTZ13093123	Phạm Thị	Nga	Nữ	07/03/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.70**	2
780	DTZ4824283	Trần Thị Tuyết	Nga	Nữ	17/05/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**27.00**	1
781	DTZ9349192	Đỗ Thanh	Ngân	Nữ	15/01/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**24.80**	1
782	DTZ15664866	Hà Phương	Ngân	Nữ	16/09/2003	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7229030	Văn học	**24.40**	1
783	DTZ13527760	Hoàng Linh	Ngân	Nữ	08/01/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7720203	Hoá dược	**25.70**	1
784	DTZ3251790	Ma Thị Hồng	Ngân	Nữ	24/09/2002	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.75**	1
785	DTZ2362804	Ma Tuyết	Ngân	Nữ	23/03/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**25.95**	1
786	DTZ12349254	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	09/05/2004	Kinh	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.35**	1
787	DTZ8777648	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	07/09/2004	Tày	Huyện Lâm Bình, Tuyên Quang	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.45**	1
788	DTZ13888728	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	09/09/2004	Tày	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.45**	1
789	DTZ4943826	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	08/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.70**	1
790	DTZ2972078	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	29/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.20**	1
791	DTZ454474	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	20/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.40**	1
792	DTZ1242606	Phạm Thị Thùy	Ngân	Nữ	01/02/2004	Kinh	Huyện Đan Phượng, Hà Nội	7380101	Luật	**24.65**	1
793	DTZ10503103	Quyền Thị Thanh	Ngân	Nữ	17/05/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7810101	Du lịch	**21.70**	1
794	DTZ4126542	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	07/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.45**	1
795	DTZ8042561	Triệu Hoàng Kim	Ngân	Nữ	03/10/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.55**	1
796	DTZ12301728	Vũ Thảo	Ngân	Nữ	12/01/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.35**	1
797	DTZ347559	Vũ Thị Kim	Ngân	Nữ	09/11/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.45**	1
798	DTZ14291321	Đinh Thị Hồng	Ngát	Nữ	28/10/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7310614	Hàn Quốc học	**25.55**	1
799	DTZ3856849	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	01/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.85**	1
800	DTZ8747106	La Thị	Ngay	Nữ	14/11/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.75**	1
801	DTZ15803749	Pâu Văn	Ngoán	Nam	20/10/2004	Lô lô	Huyện Bảo Lạc, Cao Bằng	7760101	Công tác xã hội	**23.20**	1
802	DTZ13267021	Đặng Thị Hồng	Ngọc	Nữ	29/12/2004	Dao	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.40**	1
803	DTZ5723744	Dương Thị Bích	Ngọc	Nữ	11/04/2004	Kinh	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.45**	1
804	DTZ9552121	Hà Bích	Ngọc	Nữ	03/07/2004	Tày	Huyện Mù Cang Chải, Yên Bái	7229030	Văn học	**22.25**	1
805	DTZ10972168	Hà Thị Minh	Ngọc	Nữ	23/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**22.55**	2
806	DTZ2223838	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	06/08/2004	Tày	Huyện Hòa An, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**26.85**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
807	DTZ1260143	Lê Ánh	Ngọc	Nữ	27/09/2004	Kinh	Huyện Bảo Thắng, Lào Cai	7460101	Toán học	**28.45**	1
808	DTZ14256852	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	23/06/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**26.55**	1
809	DTZ4268830	Lê Minh	Ngọc	Nữ	03/09/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7310612	Trung Quốc học	**24.85**	1
810	DTZ5843909	Lê Thị Hoài	Ngọc	Nữ	14/06/2004	Sán Dìu	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	**7310612**	Trung Quốc học	**23.25**	1
811	DTZ1491098	Lò Văn	Ngọc	Nam	27/12/2003	La ha	Huyện Mường La, Sơn La	7380101	Luật	**26.25**	1
812	DTZ3211427	Lưu Hồng	Ngọc	Nữ	06/04/2004	Sán Dìu	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.85**	1
813	DTZ9974245	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	23/02/2004	Tày	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.15**	1
814	DTZ14594306	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	11/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.55**	1
815	DTZ14831813	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	13/10/2004	Kinh	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.55**	1
816	DTZ15298736	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	19/08/2004	Kinh	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.15**	1
817	DTZ8705879	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/06/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7720203	Hoá dược	**26.45**	1
818	DTZ10623406	Nông Bế Hồng	Ngọc	Nữ	11/12/2004	Nùng	Thành phố Bắc Kạn, Bắc Kạn	7720203	Hoá dược	**26.80**	1
819	DTZ8822276	Phan Hoàng Linh	Ngọc	Nữ	17/01/2004	Kinh	Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	7310612	Trung Quốc học	**27.40**	1
820	DTZ1108596	Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/04/2004	Kinh	Huyện Mê Linh, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**24.35**	1
821	DTZ276813	Thân Thị Hồng	Ngọc	Nữ	26/03/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.70**	1
822	DTZ15601826	Triệu Thị	Ngọc	Nữ	03/12/2004	Dao	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**24.85**	1
823	DTZ1515585	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	11/08/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.25**	1
824	DTZ3083640	Vũ Thị Thúy	Ngọc	Nữ	10/06/2004	Kinh	Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	7310614	Hàn Quốc học	**26.50**	1
825	DTZ12889323	Đàm Trung	Nguyên	Nam	12/12/2004	Tày	Huyện Hòa An, Cao Bằng	7220201	Ngôn ngữ Anh	**27.20**	1
826	DTZ5401296	Đỗ Thảo	Nguyên	Nữ	01/07/2004	Sán chí	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.60**	1
827	DTZ7046069	Hoàng Thảo	Nguyên	Nữ	03/03/2004	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.30**	1
828	DTZ4884473	Lưu Văn	Nguyên	Nam	29/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.55**	1
829	DTZ5308775	Lưu Văn	Nguyên	Nam	29/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.55**	1
830	DTZ5667089	Mạc Thanh	Nguyên	Nam	21/09/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7760101	Công tác xã hội	**25.85**	1
831	DTZ12223422	Ngô Lương Hà	Nguyên	Nữ	02/10/2004	Tày	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.90**	1
832	DTZ10766792	Nguyễn Đức Khôi	Nguyên	Nam	16/10/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7320101	Báo chí	**19.80**	1
833	DTZ11402654	Phùng Thị	Nguyên	Nữ	10/01/2004	Dao	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.00**	1
834	DTZ6013795	Giáp Thị Minh	Nguyệt	Nữ	22/11/2004	Kinh	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**24.85**	1
835	DTZ15497216	Hà Ánh	Nguyệt	Nữ	06/09/2003	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.75**	1
836	DTZ987826	Hoàng Thị Bích	Nguyệt	Nữ	18/02/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.25**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
837	DTZ14357315	Hoàng Thu	Nguyệt	Nữ	26/09/2003	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**29.15**	1
838	DTZ1036157	Linh Thị	Nguyệt	Nữ	15/10/2004	Nùng	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.55**	1
839	DTZ647373	Ngô Thị Bích	Nguyệt	Nữ	27/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.25**	1
840	DTZ6673560	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	25/10/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**28.45**	1
841	DTZ9364628	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	04/10/2004	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**25.90**	1
842	DTZ6969113	Phan Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	04/05/2004	Nùng	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**26.95**	1
843	DTZ14165860	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	27/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**26.20**	1
844	DTZ11695560	Đào Thị	Nhã	Nữ	01/08/2004	Tày	Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**26.35**	1
845	DTZ3664455	La Phương	Nhã	Nữ	04/12/2004	Sán chí	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.35**	1
846	DTZ12408307	Hoàng Thị	Nhâm	Nam	01/01/2004	Sán chí	Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn	7720203	Hoá dược	**27.25**	1
847	DTZ14418484	Lừ Thị	Nhâm	Nữ	27/05/2004	Thái	Huyện Than Uyên, Lai Châu	7310612	Trung Quốc học	**29.20**	1
848	DTZ12104572	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	07/05/2004	Kinh	Huyện Hưng Hà, Thái Bình	7310614	Hàn Quốc học	**24.45**	1
849	DTZ221259	Nguyễn Ngọc	Nhàn	Nam	26/10/2004	Kinh	Huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.25**	1
850	DTZ12833498	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	05/05/2004	Kinh	Huyện Bến Lức, Long An	7720203	Hoá dược	**27.90**	1
851	DTZ11012579	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	25/09/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7310614	Hàn Quốc học	**26.65**	1
852	DTZ6236858	Trần Văn	Nhân	Nam	24/04/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**22.70**	1
853	DTZ4872973	Nguyễn Tuấn	Nhật	Nam	03/04/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7220201	Ngôn ngữ Anh	**21.40**	1
854	DTZ15105639	Phạm Trần Anh	Nhật	Nam	18/08/2004	Kinh	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	7380101	Luật	**22.20**	1
855	DTZ12856800	Trần Văn	Nhật	Nam	27/11/2004	Kinh	Huyện Kinh Môn, Hải Dương	7380101	Luật	**23.10**	1
856	DTZ5098482	Diệp Thị	Nhi	Nữ	15/04/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**30.50**	1
857	DTZ10584454	Đoàn Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	28/11/2004	Kinh	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	7310612	Trung Quốc học	**26.65**	1
858	DTZ4211901	Hà Huyền	Nhi	Nữ	27/03/2003	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.65**	1
859	DTZ5758104	Lê Huyền	Nhi	Nữ	12/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.45**	1
860	DTZ150453	Lê Thị Nhi	Nhi	Nữ	16/11/2004	Kinh	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.40**	1
861	DTZ12951493	Nguyễn Thảo	Nhi	Nữ	31/10/2003	Tày	Huyện Quản Bạ, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.45**	1
862	DTZ6523825	Phạm Xuân	Nhi	Nữ	07/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**23.15**	1
863	DTZ2894095	Thân Thị Yến	Nhi	Nữ	01/11/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7810101	Du lịch	**24.70**	1
864	DTZ10573639	Trần Lại Tuyết	Nhi	Nữ	02/04/2004	Kinh	Huyện Bố Trạch, Quảng Bình	7720203	Hoá dược	**25.60**	1
865	DTZ8963027	Trần Thị	Nhi	Nữ	25/05/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.85**	1
866	DTZ3817746	Trịnh Ngọc	Nhi	Nữ	29/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.55**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
867	DTZ9172142	Vũ Phương	Nhi	Nữ	13/11/2004	Kinh	Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu	7460101	Toán học	**25.35**	1
868	DTZ8239694	Vũ Yến	Nhi	Nữ	01/06/2004	Sán Dìu	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.25**	1
869	DTZ1938578	Sùng Thị	Nhì	Nữ	07/05/2003	Mông	Huyện Trạm Tấu, Yên Bái	7310614	Hàn Quốc học	**25.85**	1
870	DTZ7165126	Hoàng Thị	Nhị	Nữ	17/02/2004	Tày	Huyện Xín Mần, Hà Giang	7340401	Khoa học quản lý	**29.00**	1
871	DTZ1713128	Hoàng Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/03/2003	Tày	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.35**	1
872	DTZ10781218	Nguyễn Lý Ngọc	Như	Nữ	13/10/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.95**	1
873	DTZ14638984	Nguyễn Thị Tuyết	Như	Nữ	25/12/2004	Kinh	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.15**	1
874	DTZ13357725	An Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/05/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.25**	1
875	DTZ15241745	Cà Thị	Nhung	Nữ	24/02/2004	Thái	Huyện Tuần Giáo, Điện Biên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.25**	1
876	DTZ10891588	Cà Thị	Nhung	Nữ	24/02/2004	Thái	Huyện Tuần Giáo, Điện Biên	7380101	Luật	**25.25**	1
877	DTZ10015621	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/12/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**25.95**	1
878	DTZ13955696	Đồng Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/11/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.90**	1
879	DTZ4438365	Hoàng Ngọc	Nhung	Nữ	14/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.05**	1
880	DTZ10562596	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	04/09/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.90**	1
881	DTZ6297104	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	09/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.15**	1
882	DTZ454248	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.15**	1
883	DTZ8628542	Liễu Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/09/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.25**	1
884	DTZ1134938	Lý Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/04/2004	Tày	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7340401	Khoa học quản lý	**29.60**	1
885	DTZ14983387	Ma Thị Kim	Nhung	Nữ	28/10/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.65**	1
886	DTZ14131232	Ma Thị Kim	Nhung	Nữ	28/10/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.90**	1
887	DTZ6762419	Ngô Thị	Nhung	Nữ	08/12/2004	Kinh	Huyện Nậm Pồ, Điện Biên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.80**	1
888	DTZ1454671	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.30**	1
889	DTZ14539508	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**25.30**	1
890	DTZ10179550	Nguyễn Ái	Nhung	Nữ	11/02/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.65**	1
891	DTZ2755662	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	27/04/2004	Kinh	Thành phố Hòa Bình, Hòa Bình	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**27.15**	1
892	DTZ1286353	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	15/04/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.55**	1
893	DTZ13424943	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	24/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.70**	1
894	DTZ1331607	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	30/04/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.00**	2
895	DTZ836887	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	14/05/2004	Kinh	Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc	7310614	Hàn Quốc học	**24.00**	1
896	DTZ14796611	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/06/2004	Kinh	Huyện Phù Cừ, Hưng Yên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.75**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
897	DTZ2684542	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	15/02/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.95**	1
898	DTZ6972847	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	22/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.50**	1
899	DTZ10455683	Trần Thị Phương	Nhung	Nữ	20/01/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
900	DTZ1128804	Trịnh Hồng	Nhung	Nữ	02/10/2004	Mông	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**25.85**	1
901	DTZ2452991	Ma Thị Thúy	Nhường	Nữ	24/09/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**27.55**	1
902	DTZ8476580	Dương Thị	Ninh	Nữ	03/06/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.20**	1
903	DTZ550623	Hoàng Thị Thùy	Ninh	Nữ	13/03/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.95**	1
904	DTZ5412585	Nguyễn Hải	Ninh	Nữ	16/06/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7380101	Luật	**27.65**	1
905	DTZ1303699	Hoàng Thị	Nụ	Nữ	13/04/2003	Sán chí	Huyện Sơn Động, Bắc Giang	7380101	Luật	**23.25**	1
906	DTZ2837073	Đoàn Thị Kiều	Oanh	Nữ	09/08/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.00**	1
907	DTZ11139674	Hà Kim	Oanh	Nữ	15/09/2004	Nùng	Huyện Chi Lăng, Lạng Sơn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.90**	1
908	DTZ5497924	Hoàng Phương	Oanh	Nữ	16/08/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.90**	1
909	DTZ9483737	Hoàng Thị Kim	Oanh	Nữ	13/01/2004	Tày	Huyện Hòa An, Cao Bằng	**7310614**	Hàn Quốc học	**25.2**	1
910	DTZ7441593	Lô Thị Kim	Oanh	Nữ	07/01/2004	Nùng	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**24.65**	1
911	DTZ1673832	Lưu Thị Kiều	Oanh	Nữ	01/05/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.05**	1
912	DTZ10939059	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	06/12/2004	Kinh	Huyện Mộc Châu, Sơn La	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**19.55**	1
913	DTZ14095293	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	18/12/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.40**	1
914	DTZ6841124	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	14/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.55**	1
915	DTZ9711310	Nguyễn Thu	Oanh	Nữ	24/08/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7720203	Hoá dược	**24.35**	1
916	DTZ13122572	Nông Thị Kim	Oanh	Nữ	06/03/2004	Nùng	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.05**	1
917	DTZ4505500	Phàn Thị	Oanh	Nữ	15/04/2004	Dao	Huyện Bát Xát, Lào Cai	7310612	Trung Quốc học	**27.35**	1
918	DTZ4909059	Tạ Thị Kiều	Oanh	Nữ	05/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.60**	1
919	DTZ2143174	Triệu Thị	Oanh	Nữ	18/05/2003	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**24.75**	1
920	DTZ1313718	Hoàng Thị	Ơn	Nữ	10/07/2001	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**23.25**	1
921	DTZ4139976	Phinlavanh	Pathammavong	Nữ	14/02/2003	Lào	Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	7340401	Khoa học quản lý	**25.10**	1
922	DTZ642548	Trịnh Thị	Pham	Nữ	29/04/2004	Dao	Huyện Thông Nông, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.20**	1
923	DTZ12519760	Phùng Thị	Phin	Nữ	23/12/2003	Dao	Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	7380101	Luật	**27.55**	1
924	DTZ12617232	Lê Hồng	Phong	Nam	06/08/2004	Kinh	TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	7380101	Luật	**23.25**	1
925	DTZ12875301	Nguyễn Văn	Phú	Nam	14/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.25**	1
926	DTZ383393	Hoàng Anh	Phúc	Nam	20/01/2004	Nùng	Huyện Phục Hòa, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**24.35**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
927	DTZ808288	Phạm Đức	Phúc	Nam	02/02/2004	Kinh	Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	7440102	Vật lý học	**24.55**	1
928	DTZ5244897	Bàn Thị	Phương	Nữ	12/05/2004	Dao	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7310614	Hàn Quốc học	**24.00**	1
929	DTZ11442013	Đặng Hà	Phương	Nữ	06/08/2004	Kinh	Huyện Mỹ Đức, Hà Nội	7810101	Du lịch	**25.45**	1
930	DTZ5088804	Đỗ Thị	Phương	Nữ	24/10/2004	Kinh	Thành phố Hải Dương, Hải Dương	7229010	Lịch sử	**26.20**	1
931	DTZ432796	Dương Thị	Phương	Nữ	23/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.50**	1
932	DTZ4747671	Dương Thị Thu	Phương	Nữ	15/02/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.10**	1
933	DTZ8249098	Lê Hoài	Phương	Nữ	19/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**28.40**	1
934	DTZ337788	Lý Thị	Phương	Nữ	09/02/2004	Dao	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7810101	Du lịch	**23.55**	1
935	DTZ7076796	Lý Thị Minh	Phương	Nữ	30/08/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.45**	1
936	DTZ13433627	Ma Thị Minh	Phương	Nữ	22/05/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**25.80**	1
937	DTZ1152983	Mông Thanh	Phương	Nữ	24/03/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.45**	1
938	DTZ14082503	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	04/07/2004	Kinh	Huyện Thanh Trì, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**26.20**	1
939	DTZ72799	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	03/04/2003	Tày	Huyện Ba Bể, Bắc Kạn	7380101	Luật	**28.55**	1
940	DTZ4149848	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	16/08/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**26.65**	1
941	DTZ3922266	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	25/06/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7310612	Trung Quốc học	**27.25**	1
942	DTZ955912	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/12/2003	Kinh	Huyện Mỹ Đức, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**24.95**	1
943	DTZ9303844	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**22.55**	1
944	DTZ5969106	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	31/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.60**	1
945	DTZ829577	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nam	01/01/2004	Kinh	Quận Ba Đình, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**27.00**	1
946	DTZ13989989	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	28/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**28.50**	1
947	DTZ218783	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	09/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.55**	1
948	DTZ6214558	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	11/03/2004	Kinh	Huyện Vụ Bản, Nam Định	7310612	Trung Quốc học	**24.2**	1
949	DTZ2134812	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	03/10/2004	Kinh	Thành phố Móng Cái, Quảng Ninh	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.25**	1
950	DTZ7316403	Nguyễn Thị Thúy	Phương	Nữ	22/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**29.35**	1
951	DTZ7638512	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	01/03/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.05**	1
952	DTZ3801404	Phạm Nguyễn Hiếu	Phương	Nữ	08/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.55**	1
953	DTZ9622774	Phùng Thị	Phương	Nữ	20/10/2003	Mông	Huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**24.75**	1
954	DTZ1121746	Phùng Thị Mai	Phương	Nữ	01/10/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.00**	1
955	DTZ5137051	Trần Bảo	Phương	Nữ	30/03/2004	Kinh	Huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.55**	1
956	DTZ12651806	Trần Hà	Phương	Nữ	14/11/2004	Kinh	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.60**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
957	DTZ8058502	Trần Thị Hà	Phương	Nữ	05/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.85**	1
958	DTZ10251848	Từ Thị	Phương	Nữ	24/03/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.65**	1
959	DTZ1428349	Hoàng Thị	Phường	Nữ	01/10/2000	Giáy	Huyện Mèo Vạc, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
960	DTZ1291902	Hoàng Bích	Phượng	Nữ	29/01/2004	Nùng	TP Cao Bằng, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.45**	2
961	DTZ3533342	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	29/10/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7760101	Công tác xã hội	**26.75**	1
962	DTZ6308250	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	09/11/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.80**	1
963	DTZ14031342	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	11/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.65**	1
964	DTZ964495	Lâm Thị	Phượng	Nữ	12/12/2002	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7340401	Khoa học quản lý	**22.05**	1
965	DTZ4736668	Nguyễn Ngọc	Phượng	Nữ	27/02/2004	Nùng	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**24.75**	1
966	DTZ81949	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	01/01/2003	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**25.75**	1
967	DTZ13815780	Nông Thị	Phượng	Nữ	07/11/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.25**	1
968	DTZ13895726	Ong Thị	Phượng	Nữ	08/06/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.40**	1
969	DTZ3234619	Triệu Thị	Pu	Nữ	04/04/2004	Dao	Huyện Thông Nông, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**25.35**	1
970	DTZ15377163	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	25/07/1999	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7760101	Công tác xã hội	**23.15**	1
971	DTZ9442133	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	13/02/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.65**	1
972	DTZ1179827	Đỗ Minh	Quang	Nam	31/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**24.80**	1
973	DTZ6569783	Dương Minh	Quang	Nam	08/11/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**26.20**	1
974	DTZ7438495	Lưu Tiến	Quang	Nam	27/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**20.70**	1
975	DTZ15357530	Vũ Đức	Quang	Nam	20/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**22.25**	1
976	DTZ1282838	Vương Minh	Quang	Nam	12/04/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7310614	Hàn Quốc học	**26.25**	1
977	DTZ13689645	Lâm Thế	Quý	Nam	18/03/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**25.25**	1
978	DTZ12698262	Lê Đức	Quý	Nam	12/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.90**	1
979	DTZ10734250	Bùi Thị Lệ	Quyên	Nữ	10/08/2004	Mường	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	7220201	Ngôn ngữ Anh	**27.70**	1
980	DTZ6702592	Nguyễn Lệ	Quyên	Nữ	07/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.50**	1
981	DTZ4452211	Nguyễn Thị Ánh	Quyên	Nữ	03/11/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.55**	1
982	DTZ14993682	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	07/10/2004	Kinh	Huyện Thanh Miện, Hải Dương	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.85**	1
983	DTZ3843845	Nịnh Thị	Quyên	Nữ	01/07/2004	Sán chí	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**28.35**	1
984	DTZ12521328	Phạm Đỗ	Quyên	Nữ	12/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7440301	Khoa học môi trường	**21.95**	1
985	DTZ3075123	Phạm Thị	Quyên	Nữ	14/06/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.85**	1
986	DTZ453996	Phùng Ánh	Quyên	Nữ	26/09/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**26.15**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
987	DTZ5392230	Trần Thu	Quyên	Nữ	01/06/2004	Kinh	Huyện Văn Chấn, Yên Bái	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.45**	1
988	DTZ12432396	Triệu Tú	Quyên	Nữ	02/06/2003	Dao	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.80**	1
989	DTZ4339560	Hoàng Đức	Quyến	Nam	01/02/2004	Dao	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7380101	Luật	**24.35**	1
990	DTZ1214157	Nguyễn Văn	Quyền	Nam	30/12/2004	Kinh	Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	7440301	Khoa học môi trường	**23.75**	1
991	DTZ3202773	Bàn Thị Kim	Quyết	Nữ	17/03/2004	Dao	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7380101	Luật	**26.95**	1
992	DTZ7526470	Đào Trọng	Quyết	Nam	28/02/2001	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.65**	1
993	DTZ10831139	Dương Vũ	Quyết	Nam	15/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.05**	1
994	DTZ7246576	Đằng Như	Quỳnh	Nữ	19/04/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**28.45**	1
995	DTZ3314604	Đặng Thị Hồng	Quỳnh	Nữ	12/10/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.25**	1
996	DTZ8469866	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	21/05/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.60**	1
997	DTZ6811006	Đỗ Thúy	Quỳnh	Nữ	06/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.00**	1
998	DTZ349407	Dương Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	28/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**28.55**	1
999	DTZ8675565	Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	08/08/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.20**	1
1000	DTZ14778007	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	27/07/2004	Sán Dìu	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7229010	Lịch sử	**26.20**	1
1001	DTZ3429338	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	15/10/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.85**	1
1002	DTZ6955741	Lê Thúy	Quỳnh	Nữ	10/10/2004	Kinh	Huyện Bảo Thắng, Lào Cai	7310612	Trung Quốc học	**23.90**	1
1003	DTZ8551100	Ngô Thị	Quỳnh	Nữ	13/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.60**	1
1004	DTZ444659	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	20/08/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.75**	1
1005	DTZ5152274	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	27/05/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.95**	1
1006	DTZ10684245	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	12/09/2004	Kinh	Huyện Mê Linh, Hà Nội	7810101	Du lịch	**22.65**	1
1007	DTZ416490	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	12/04/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.15**	1
1008	DTZ1228987	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	Nữ	13/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.50**	1
1009	DTZ10535495	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	16/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.15**	1
1010	DTZ1271469	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	17/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.75**	1
1011	DTZ13821987	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	15/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.80**	1
1012	DTZ11527522	Trần Mai	Quỳnh	Nữ	18/07/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.65**	1
1013	DTZ13036257	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	01/04/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.40**	1
1014	DTZ6823556	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	19/02/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**21.70**	1
1015	DTZ4911267	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	05/07/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.95**	1
1016	DTZ12048756	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	22/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.75**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1017	DTZ755846	Vũ Như	Quỳnh	Nữ	29/04/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**20.55**	1
1018	DTZ15125830	Vũ Như	Quỳnh	Nữ	20/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.85**	1
1019	DTZ7807115	Hoàng Thị	Sâm	Nữ	29/09/2004	Tày	Huyện Bắc Quang, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.40**	1
1020	DTZ324827	Lý Thị	Sâm	Nữ	24/10/2004	Nùng	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	7810101	Du lịch	**23.75**	1
1021	DTZ6047255	Nông Bích	Sâm	Nữ	07/08/2004	Tày	Huyện Bảo Lạc, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**27.05**	1
1022	DTZ10105143	Mông Văn	San	Nam	04/04/2003	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.50**	1
1023	DTZ6457564	Hoàng Thị Kim	Sao	Nữ	05/06/2004	Thái	Huyện Yên Châu, Sơn La	7340401	Khoa học quản lý	**24.45**	1
1024	DTZ15566991	Mùa A	Sênh	Nam	02/03/2004	Mông	Huyện Bắc Yên, Sơn La	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**23.55**	1
1025	DTZ9544376	Hứa Thị	Sim	Nữ	22/08/2004	Nùng	Huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**26.90**	1
1026	DTZ2926320	Nguyễn Ngọc	Sim	Nữ	29/09/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**22.80**	1
1027	DTZ6572038	Bùi Thị	Sinh	Nữ	29/10/2004	Mường	Huyện Cao Phong, Hòa Bình	7340401	Khoa học quản lý	**25.25**	1
1028	DTZ1881359	Mông Thị Hồng	Sinh	Nữ	21/12/2004	Nùng	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	7310614	Hàn Quốc học	**23.35**	1
1029	DTZ8451560	Lý Thị	Slay	Nữ	05/11/2004	Nùng	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7320101	Báo chí	**24.15**	1
1030	DTZ3273872	Đặng Ngọc	Sơn	Nam	10/02/2004	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7380101	Luật	**22.55**	1
1031	DTZ11466033	Hoàng Thái	Sơn	Nam	01/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.60**	1
1032	DTZ9829	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	06/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**22.15**	1
1033	DTZ5991521	Lý Trần Đức	Tài	Nam	29/03/2004	Thái	Huyện Quan Hóa, Thanh Hóa	7380101	Luật	**21.70**	1
1034	DTZ8939035	Đinh Thị Thanh	Tâm	Nữ	09/11/2004	Kinh	Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	7380101	Luật	**24.35**	1
1035	DTZ77471	Đoàn Thị Thanh	Tâm	Nữ	01/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.55**	1
1036	DTZ10525353	Hoàng Vương	Tâm	Nam	25/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.25**	1
1037	DTZ5124747	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	06/08/2004	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**24.35**	1
1038	DTZ9372009	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	31/12/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.60**	1
1039	DTZ1254311	Nguyễn Thị Linh	Tâm	Nữ	10/12/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**21.05**	1
1040	DTZ8443332	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.45**	1
1041	DTZ8228948	Nguyễn Tuệ	Tâm	Nữ	08/11/2004	Nùng	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**29.15**	1
1042	DTZ2602742	Thái Thị Minh	Tâm	Nữ	15/09/1998	Kinh	Thành phố Hội An, Quảng Nam	7720203	Hoá dược	**20.05**	1
1043	DTZ13103464	Trần Trọng	Tấn	Nam	29/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.75**	1
1044	DTZ5254127	Trần Ngọc	Thạch	Nam	30/09/2003	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7229010	Lịch sử	**23.65**	1
1045	DTZ14502397	Bàng Duy	Thái	Nam	19/06/2004	Kinh	Thành phố Phủ Lý, Hà Nam	7340401	Khoa học quản lý	**24.45**	1
1046	DTZ15556055	Nguyễn Công	Thái	Nam	12/08/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.80**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1047	DTZ13028907	Nguyễn Hà	Thái	Nam	28/09/2003	Kinh	TP. Điện Biên Phủ,Điện Biên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.65**	1
1048	DTZ12098076	Phạm Duy	Thái	Nam	20/01/2004	Kinh	TP. Điện Biên Phủ,Điện Biên	7320201	Thông tin - Thư viện	**27.55**	1
1049	DTZ7617603	Bùi Thị Phương	Thắm	Nữ	03/11/2004	Mường	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.90**	1
1050	DTZ15032980	Lê Hồng	Thắm	Nữ	12/02/2003	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.65**	1
1051	DTZ5274553	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	17/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.65**	1
1052	DTZ5343106	Lê Văn	Thắng	Nam	16/04/2004	Kinh	Huyện Hải Hà, Quảng Ninh	7320101	Báo chí	**25.05**	1
1053	DTZ10066363	Lê Văn	Thắng	Nam	16/04/2004	Kinh	Huyện Hải Hà, Quảng Ninh	7320101	Báo chí	**23.05**	1
1054	DTZ13846046	Quan Anh	Thắng	Nam	17/05/2004	Tày	Huyện Lâm Bình, Tuyên Quang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.60**	1
1055	DTZ13316035	Đặng Thị Phương	Thanh	Nữ	01/02/2004	Kinh	Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.75**	1
1056	DTZ9472940	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	19/11/2004	Tày	Huyện Hòa An, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**26.15**	1
1057	DTZ12485071	Lê Thị	Thanh	Nữ	27/07/2004	Sán Dìu	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.90**	1
1058	DTZ15647171	Lê Thị Phương	Thanh	Nữ	01/08/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.40**	1
1059	DTZ9998327	Lương Thị	Thanh	Nữ	16/06/2004	Cao Lan	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**29.85**	1
1060	DTZ2691166	Thân Hồng	Thanh	Nữ	17/12/2003	Kinh	Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh	7380101	Luật	**27.85**	1
1061	DTZ7203247	Trần Thị Thu	Thanh	Nữ	12/11/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**26.90**	1
1062	DTZ1279723	Lương Tiến	Thành	Nam	26/06/2002	Kinh	Huyện Lạc Thủy, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.80**	1
1063	DTZ14271096	Nguyễn Minh	Thành	Nam	24/07/2004	Kinh	Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh	7720203	Hoá dược	**25.25**	1
1064	DTZ11822384	Sồng A	Thành	Nam	15/05/2004	Mông	Huyện Bắc Yên, Sơn La	7380101	Luật	**21.45**	1
1065	DTZ6207020	Phạm Văn	Thao	Nam	24/07/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7810101	Du lịch	**22.75**	1
1066	DTZ10284067	Bàn Thị	Thảo	Nữ	09/02/2004	Dao	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.45**	1
1067	DTZ1099537	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	14/10/2004	Kinh	Huyện Mỹ Hào, Hưng Yên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.90**	1
1068	DTZ14305803	Đồng Văn	Thảo	Nam	21/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7460117	Toán tin	**22.45**	1
1069	DTZ5882982	Dương Thị Phương	Thảo	Nữ	08/04/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.60**	1
1070	DTZ4854581	Dương Thu	Thảo	Nữ	25/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**21.15**	1
1071	DTZ542776	Hà Thị Thu	Thảo	Nữ	16/06/2004	Kinh	Huyện Mê Linh, Hà Nội	7320101	Báo chí	**26.65**	1
1072	DTZ424848	Hà Thị Thu	Thảo	Nữ	15/06/2004	Nùng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.35**	1
1073	DTZ6078649	Hoàng Phương	Thảo	Nữ	05/01/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.60**	1
1074	DTZ2908517	Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	12/05/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7810101	Du lịch	**22.60**	1
1075	DTZ8388394	Kiều Thị	Thảo	Nữ	31/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.40**	1
1076	DTZ563567	Lê Phạm Phương	Thảo	Nữ	25/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.70**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1077	DTZ11195868	Lê Thanh	Thảo	Nữ	03/05/2004	Cao Lan	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.95**	1
1078	DTZ7198225	Lê Thanh	Thảo	Nữ	12/11/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.85**	1
1079	DTZ13183003	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	31/05/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**30.10**	1
1080	DTZ14231690	Lò Thị	Thảo	Nữ	17/10/2003	Thái	Huyện Mường Chà, Điện Biên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.00**	1
1081	DTZ11471203	Lưu Phương	Thảo	Nữ	06/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.25**	1
1082	DTZ4156109	Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	17/08/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.35**	1
1083	DTZ4592733	Nguyễn Diệu	Thảo	Nữ	20/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.25**	1
1084	DTZ366107	Nguyên Phương	Thảo	Nữ	27/01/2003	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.35**	1
1085	DTZ396573	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27/01/2003	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.35**	1
1086	DTZ9854984	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	11/12/2004	Lô lô	Huyện Đồng Văn, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.35**	1
1087	DTZ11223173	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	22/03/2004	Kinh	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7320201	Thông tin - Thư viện	**22.70**	1
1088	DTZ9592976	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	03/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.80**	1
1089	DTZ6875184	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	10/07/2004	Kinh	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang	7760101	Công tác xã hội	**25.40**	1
1090	DTZ311267	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	07/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.35**	1
1091	DTZ8015254	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	07/01/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**23.60**	1
1092	DTZ8505290	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	02/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.80**	1
1093	DTZ4032969	Ninh Thị	Thảo	Nữ	15/07/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.90**	1
1094	DTZ14314364	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	29/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**27.35**	1
1095	DTZ854142	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	16/10/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7340401	Khoa học quản lý	**21.35**	1
1096	DTZ5917819	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	20/04/2004	Kinh	Huyện Nghi Lộc, Nghệ An	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.50**	1
1097	DTZ1148972	Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	26/05/2003	Mông	Huyện Nguyên Bình, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.65**	1
1098	DTZ8321008	Phan Thu	Thảo	Nữ	30/05/2004	Tày	Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	7310612	Trung Quốc học	**28.45**	1
1099	DTZ7488694	Tạ Thanh	Thảo	Nữ	04/07/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.00**	1
1100	DTZ9916974	Thân Thị Phương	Thảo	Nữ	11/10/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.35**	1
1101	DTZ9218254	Trần Bích	Thảo	Nữ	10/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	7310614	Hàn Quốc học	**24.05**	1
1102	DTZ7328460	Trần Thị	Thảo	Nữ	21/11/2004	Kinh	Huyện Thường Tín, Hà Nội	7310612	Trung Quốc học	**23.90**	1
1103	DTZ4046246	Trần Thị	Thảo	Nữ	11/05/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.00**	1
1104	DTZ2175590	Trần Thị	Thảo	Nữ	24/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.85**	1
1105	DTZ14653519	Trần Thị	Thảo	Nữ	26/01/2000	Tày	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**26.95**	1
1106	DTZ1239058	Trần Thị Bích	Thảo	Nữ	16/07/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	23.1	3

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1107	DTZ782878	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	30/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**27.90**	1
1108	DTZ13966125	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.95**	1
1109	DTZ697865	Triệu Thị Phương	Thảo	Nữ	03/07/2004	Dao	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.95**	1
1110	DTZ2051555	Trương Thị Phương	Thảo	Nữ	28/12/2003	Nùng	Huyện Nguyên Bình, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.55**	1
1111	DTZ7734033	Vi Thị Phương	Thảo	Nữ	14/07/2004	Nùng	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.95**	1
1112	DTZ1255762	Vũ Ngọc	Thảo	Nữ	31/12/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.75**	1
1113	DTZ13625040	Vũ Thu	Thảo	Nữ	14/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**21.50**	2
1114	DTZ8281626	Dương Văn	Thạo	Nam	24/06/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.65**	1
1115	DTZ7813292	Ma Thị	Thêm	Nữ	11/01/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7380101	Luật	**29.10**	1
1116	DTZ7845875	Lò Thị	Thi	Nữ	23/06/2004	Thái	Huyện Tuần Giáo, Điện Biên	7380101	Luật	**26.85**	1
1117	DTZ15733924	Nguyễn Hồng	Thi	Nữ	08/07/2003	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**22.45**	1
1118	DTZ1656724	Thẩm Kỳ	Thi	Nữ	14/06/2004	Ngái	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.15**	1
1119	DTZ13589507	Long Minh	Thiên	Nam	06/07/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.25**	1
1120	DTZ8536432	Nguyễn Phú	Thiện	Nam	29/08/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**28.80**	1
1121	DTZ11999352	Dương Thị	Thoa	Nữ	15/03/2004	Tày	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**23.65**	1
1122	DTZ381504	Nguyễn Thị	Thoan	Nữ	11/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.60**	1
1123	DTZ9284590	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	18/01/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.55**	1
1124	DTZ14976143	Bùi Ngọc	Thu	Nữ	15/08/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**29.60**	1
1125	DTZ13516459	Bùi Thị Huyền	Thu	Nữ	27/09/2004	Mường	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.10**	1
1126	DTZ12008040	Đoàn Thị Hoài	Thu	Nữ	05/08/2004	Kinh	Huyện Hải Hà, Quảng Ninh	7320101	Báo chí	**23.95**	1
1127	DTZ13348242	Hoàng Thị	Thu	Nữ	07/05/2004	Tày	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7340401	Khoa học quản lý	**27.80**	1
1128	DTZ3914481	Lê Thị Thanh	Thu	Nữ	13/10/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.65**	1
1129	DTZ8483498	Lý Thị	Thu	Nữ	03/02/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.20**	1
1130	DTZ14558077	Nguyễn Thanh	Thu	Nữ	08/11/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**19.15**	2
1131	DTZ12084934	Nguyễn Thị Kim	Thu	Nữ	14/07/2004	Kinh	Huyện Hạ Hòa, Phú Thọ	7310614	Hàn Quốc học	**26.20**	1
1132	DTZ9388192	Phạm Thị	Thu	Nữ	02/09/2004	Kinh	Huyện Giao Thủy, Nam Định	7340401	Khoa học quản lý	**21.60**	1
1133	DTZ3104260	Phó Thị	Thu	Nữ	07/09/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	**7310614**	Hàn Quốc học	**25.45**	1
1134	DTZ4783768	Quàng Thị	Thu	Nữ	09/05/2004	Thái	Huyện Điện Biên, Điện Biên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.85**	1
1135	DTZ14059941	Thân Thị Hoài	Thu	Nữ	09/08/2004	Kinh	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.50**	1
1136	DTZ498725	Trần Thị Thanh	Thu	Nữ	21/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**24.40**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1137	DTZ7272873	Triệu Lệ	Thu	Nữ	26/08/2004	Dao	Huyện Cao Lộc, Lạng Sơn	7229010	Lịch sử	**25.70**	1
1138	DTZ13703522	Vũ Hoài	Thu	Nữ	13/09/2004	Mường	Huyện Cao Phong, Hòa Bình	7320201	Thông tin - Thư viện	**24.10**	1
1139	DTZ435055	Vũ Phạm Hoài	Thu	Nữ	07/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**29.65**	1
1140	DTZ13652515	Vũ Thị Tâm	Thu	Nữ	17/10/2003	Kinh	Huyện Văn Chấn, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**25.05**	1
1141	DTZ2358497	Vũ Thị Tâm	Thu	Nữ	01/01/2004	Kinh	Huyện Văn Chấn, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**27.05**	1
1142	DTZ1909154	Đỗ Thị Anh	Thư	Nữ	17/08/2004	Kinh	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	7229030	Văn học	**24.15**	1
1143	DTZ1453897	Hà Thị Thanh	Thư	Nữ	19/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.55**	1
1144	DTZ4559061	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	17/12/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.70**	1
1145	DTZ4562369	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	17/12/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.70**	1
1146	DTZ571143	Trần Lê Uyên	Thư	Nữ	24/09/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7310614	Hàn Quốc học	**23.15**	1
1147	DTZ1818067	Bùi Ngọc	Thuận	Nam	19/09/2004	Kinh	Huyện Kim Bảng, Hà Nam	7380101	Luật	**19.70**	1
1148	DTZ9935505	Giáp Văn	Thuận	Nam	09/04/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7720203	Hoá dược	**25.40**	1
1149	DTZ1151184	Trần Thị Ngọc	Thức	Nữ	05/01/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.70**	1
1150	DTZ7869613	Đỗ Quỳnh	Thương	Nữ	27/11/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.45**	1
1151	DTZ3456026	Hoàng Thị Biển	Thương	Nữ	26/06/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**28.25**	1
1152	DTZ6914779	Khoàng Thị Hoài	Thương	Nữ	06/10/2004	Thái	Huyện Nậm Nhùn, Lai Châu	7340401	Khoa học quản lý	**28.60**	1
1153	DTZ9532489	Lò Thị	Thương	Nữ	03/02/2004	Thái	TP. Điện Biên Phủ,Điện Biên	7810101	Du lịch	**26.50**	1
1154	DTZ13917685	Lỳ Mì	Thương	Nữ	17/03/2004	Hà nhì	Huyện Mường Nhé, Điện Biên	7310614	Hàn Quốc học	**27.98**	1
1155	DTZ11432238	Ngô Hoài	Thương	Nữ	29/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
1156	DTZ4233141	Nguyễn Hồng	Thương	Nữ	14/12/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.05**	1
1157	DTZ12804089	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	03/05/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7720203	Hoá dược	**24.10**	1
1158	DTZ11381204	Nguyễn Thị Mai	Thương	Nữ	15/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.40**	1
1159	DTZ6267756	Nông Thị Hoài	Thương	Nữ	18/11/2004	Tày	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7320101	Báo chí	**27.10**	1
1160	DTZ15092906	Phạm Thị Mai	Thương	Nữ	23/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.65**	1
1161	DTZ860795	Dương Văn	Thưởng	Nam	03/04/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.80**	1
1162	DTZ2775066	Mai Phương	Thuý	Nữ	31/10/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.25**	1
1163	DTZ3336600	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	Nữ	28/08/2004	Kinh	Thành phố Yên Bái, Yên Bái	7720203	Hoá dược	**26.25**	1
1164	DTZ1091283	Đỗ Thị	Thuỷ	Nữ	19/05/2002	Kinh	Huyện Bình Lục, Hà Nam	7310612	Trung Quốc học	**22.50**	1
1165	DTZ1051108	Đỗ Thị	Thuỷ	Nữ	19/05/2002	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.60**	1
1166	DTZ6932585	Chu Thị	Thúy	Nữ	14/10/2004	Kinh	Huyện Sông Hinh, Phú Yên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.90**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1167	DTZ7836467	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	15/09/2004	Kinh	Huyện Đak Đoa, Gia Lai	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.95**	1
1168	DTZ875182	Ngô Phương	Thúy	Nữ	02/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.25**	1
1169	DTZ8162207	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.35**	1
1170	DTZ3793660	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/07/2002	Kinh	Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	7310612	Trung Quốc học	**24.00**	1
1171	DTZ12738055	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	15/02/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**23.45**	1
1172	DTZ7175015	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	24/07/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.20**	1
1173	DTZ15266906	Phùng Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/04/2003	Dao	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.20**	1
1174	DTZ10207683	Tạ Thị Thanh	Thúy	Nữ	31/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.70**	1
1175	DTZ4303117	Vũ Thanh	Thúy	Nữ	19/01/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**22.75**	2
1176	DTZ7703063	Chu Diễm	Thùy	Nữ	21/08/2004	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.85**	1
1177	DTZ11452092	Lương Thị Thanh	Thùy	Nữ	23/02/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.30**	1
1178	DTZ1108643	Ma Thị	Thùy	Nữ	01/03/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**25.05**	1
1179	DTZ3521204	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	15/11/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.10**	1
1180	DTZ14364615	Triệu Thu	Thùy	Nữ	18/06/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.10**	1
1181	DTZ5473407	Trình Thị	Thùy	Nữ	28/09/2004	Kinh	Huyện Nga Sơn, Thanh Hóa	7310612	Trung Quốc học	**24.05**	1
1182	DTZ34046	Dương Thị Thu	Thủy	Nữ	27/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.15**	1
1183	DTZ8353008	Hà Thị Thu	Thủy	Nữ	24/10/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.05**	1
1184	DTZ1061994	Lê Thu	Thủy	Nữ	02/08/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7760101	Công tác xã hội	**23.35**	1
1185	DTZ12687221	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	24/05/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7440301	Khoa học môi trường	**29.60**	1
1186	DTZ1173667	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	06/06/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.25**	1
1187	DTZ9645695	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	14/05/2004	Kinh	Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	7760101	Công tác xã hội	**25.85**	1
1188	DTZ5325896	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	01/09/2004	Kinh	Huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	7340401	Khoa học quản lý	**24.70**	1
1189	DTZ14194757	Nông Thanh	Thủy	Nữ	07/06/2004	Nùng	Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**26.75**	1
1190	DTZ4498325	Trần Thị	Thủy	Nữ	02/01/2004	Sán chí	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.25**	1
1191	DTZ168653	Triệu Thị	Thủy	Nữ	12/01/2003	Tày	Huyện Ba Bể, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**27.25**	1
1192	DTZ995575	Vũ Ngô Thu	Thủy	Nữ	29/04/2004	Kinh	Huyện Hạ Hòa, Phú Thọ	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.85**	1
1193	DTZ9895530	Đào Thuỷ	Tiên	Nữ	23/02/2004	Mông	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.05**	1
1194	DTZ1891791	Phạm Thủy	Tiên	Nữ	20/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**26.75**	1
1195	DTZ1447733	Vàng Thủy	Tiên	Nữ	10/09/2003	Si la	Huyện Mường Tè, Lai Châu	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.25**	1
1196	DTZ15275905	Bùi Đức	Tiến	Nam	10/11/2004	Kinh	Huyện Tủa Chùa, Điện Biên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.80**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1197	DTZ7145746	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	26/09/2004	Kinh	Huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	7460101	Toán học	**26.20**	1
1198	DTZ11945873	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	20/01/2004	Tày	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**21.90**	1
1199	DTZ9708832	Nguyễn Xuân	Tiến	Nam	14/01/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.05**	1
1200	DTZ3182968	Trương Văn	Tiến	Nam	22/12/2004	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7320101	Báo chí	**24.95**	1
1201	DTZ10902679	Nguyễn Việt	Tiệp	Nam	22/03/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.95**	1
1202	DTZ155425	Phương Như	Tiệp	Nữ	13/12/2004	Sán chay	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**24.65**	1
1203	DTZ2481842	Nguyễn Ngọc Đức	Toàn	Nam	15/12/2004	Kinh	Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	7229010	Lịch sử	**23.85**	1
1204	DTZ13479774	Tạ Nguyễn Quang	Tổng	Nam	24/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.45**	1
1205	DTZ5004551	Hà Thị Thu	Trà	Nữ	19/09/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**23.40**	1
1206	DTZ8663167	Hoàng Thu	Trà	Nữ	06/10/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.30**	1
1207	DTZ12786327	Lưu Hương	Trà	Nữ	19/03/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.90**	1
1208	DTZ4663467	Nguyễn Thị Hương	Trà	Nữ	01/02/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.25**	1
1209	DTZ6415102	Nguyễn Thị Hương	Trà	Nữ	25/01/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**26.70**	1
1210	DTZ9254873	Nông Phương	Trà	Nữ	22/01/2004	Tày	Huyện Quảng Uyên, Cao Bằng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.15**	1
1211	DTZ1352688	Trần Thu	Trà	Nữ	14/04/2003	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**25.05**	1
1212	DTZ7452546	Vũ Thanh	Trà	Nữ	20/08/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.25**	1
1213	DTZ14061758	Vũ Thanh	Trà	Nữ	30/10/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.20**	1
1214	DTZ11502295	Tạ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	06/10/2004	Kinh	Huyện Kim Bôi, Hòa Bình	7810101	Du lịch	**22.25**	1
1215	DTZ14869399	Bế Thu	Trang	Nữ	16/06/2004	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.70**	1
1216	DTZ9869520	Chu Thị Thu	Trang	Nữ	02/09/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.35**	1
1217	DTZ8435534	Đặng Hà	Trang	Nữ	02/11/2004	Kinh	Huyện Ứng Hòa, Hà Nội	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.00**	1
1218	DTZ1432216	Đào Hoàng Quỳnh	Trang	Nữ	16/12/2004	Kinh	Huyện Kim Thành, Hải Dương	7310612	Trung Quốc học	**25.20**	1
1219	DTZ9463634	Đào Hoàng Thu	Trang	Nữ	12/06/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**24.10**	1
1220	DTZ746790	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	25/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.65**	1
1221	DTZ8255479	Đỗ Thu	Trang	Nữ	07/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**27.00**	1
1222	DTZ27099	Đỗ Thu	Trang	Nữ	31/08/2002	Kinh	Huyện Lục Nam, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.25**	1
1223	DTZ6222694	Đoàn Thị	Trang	Nữ	14/04/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**24.75**	1
1224	DTZ5295780	Dương Thị	Trang	Nữ	23/01/2003	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**25.20**	1
1225	DTZ4058438	Dương Thị	Trang	Nữ	20/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.00**	1
1226	DTZ616988	Dương Thị Thùy	Trang	Nữ	16/12/2004	Dao	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.85**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1227	DTZ13367116	Hà Kiều	Trang	Nữ	04/09/2004	Mường	Thành Phố Lai Châu, Lai Châu	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.40**	1
1228	DTZ863178	Hà Thị Huyền	Trang	Nữ	21/05/2003	Kinh	Huyện Hưng Hà, Thái Bình	7380101	Luật	**25.00**	1
1229	DTZ6602017	Hà Thu	Trang	Nữ	08/11/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7310614	Hàn Quốc học	**25.35**	1
1230	DTZ10943469	Hoàng Thị	Trang	Nữ	06/02/2004	Sán Dìu	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.45**	1
1231	DTZ879558	Hoàng Thị Hà	Trang	Nữ	25/01/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.45**	1
1232	DTZ1554103	Hoàng Thuỳ	Trang	Nữ	25/03/2004	Kinh	Huyện Đông Anh, Hà Nội	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.55**	1
1233	DTZ14736290	La Huyền	Trang	Nữ	07/04/2004	Dao	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.85**	1
1234	DTZ15251797	Lê Thị	Trang	Nữ	19/09/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.95**	1
1235	DTZ5026166	Lê Thu	Trang	Nữ	30/11/2004	Kinh	Thành phố Bắc Kạn, Bắc Kạn	7220201	Ngôn ngữ Anh	**21.45**	1
1236	DTZ13719771	Lương Huyền	Trang	Nữ	06/12/2004	Kinh	Huyện Trấn Yên, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**22.75**	1
1237	DTZ10845175	Lưu Thị Hiền	Trang	Nữ	10/04/2004	Sán Dìu	Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc	7810101	Du lịch	**23.80**	1
1238	DTZ2654047	Lý Trương Huyền	Trang	Nữ	23/09/2004	Nùng	Huyện Hòa An, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**26.75**	1
1239	DTZ885566	Mai Huyền	Trang	Nữ	28/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7760101	Công tác xã hội	**26.05**	1
1240	DTZ14627210	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	16/09/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.20**	1
1241	DTZ55161	Nguyễn Lê Hà	Trang	Nữ	04/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.00**	1
1242	DTZ3635814	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	10/11/2004	Kinh	Huyện Phù Yên, Sơn La	7460117	Toán tin	**26.75**	1
1243	DTZ13734350	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	16/04/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7380101	Luật	**23.20**	1
1244	DTZ1545558	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	30/07/2004	Kinh	Huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc	7380101	Luật	**23.35**	2
1245	DTZ14482890	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	05/05/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.90**	1
1246	DTZ11637382	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/09/2004	Kinh	Huyện Lương Sơn, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.20**	1
1247	DTZ9397214	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	04/11/2004	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**24.70**	1
1248	DTZ99478	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	30/11/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7810101	Du lịch	**24.40**	1
1249	DTZ5543866	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	26/09/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.60**	1
1250	DTZ7235907	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	29/06/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**27.50**	1
1251	DTZ1573507	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	26/03/2003	Kinh	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**27.10**	1
1252	DTZ15617671	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	14/11/1998	Kinh	Thành phố Nam Định, Nam Định	7229030	Văn học	**26.35**	1
1253	DTZ35167	Nguyễn Thuỳ	Trang	Nữ	04/07/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.45**	1
1254	DTZ6448914	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	11/08/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7229030	Văn học	**25.20**	1
1255	DTZ580740	Nguyễn Vũ Quỳnh	Trang	Nữ	12/10/2004	Kinh	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7320101	Báo chí	**26.45**	1
1256	DTZ977306	Phạm Kiều	Trang	Nữ	13/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**27.50**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1257	DTZ871290	Phạm Thị Thảo	Trang	Nữ	12/10/2004	Kinh	Huyện Lục Nam, Bắc Giang	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.60**	1
1258	DTZ552639	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	20/09/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.95**	1
1259	DTZ9158737	Phạm Thu	Trang	Nữ	26/06/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7229030	Văn học	**25.45**	1
1260	DTZ13231559	Phạm Thùy	Trang	Nữ	31/03/2004	Kinh	Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.70**	1
1261	DTZ13673965	Phan Quỳnh	Trang	Nữ	09/08/2004	Kinh	Huyện Tân Kỳ, Nghệ An	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**23.50**	1
1262	DTZ12299784	Phan Thị	Trang	Nữ	11/05/2004	Kinh	Huyện Quỳ Hợp, Nghệ An	7229030	Văn học	**25.45**	1
1263	DTZ10869875	Tạ Quỳnh	Trang	Nữ	25/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	7340401	Khoa học quản lý	**22.70**	1
1264	DTZ4994856	Tô Hà	Trang	Nữ	25/10/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**27.40**	1
1265	DTZ8377614	Tống Thị Huyền	Trang	Nữ	10/08/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**28.35**	1
1266	DTZ8063309	Trần Thị Hồng	Trang	Nữ	16/08/2004	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7310612	Trung Quốc học	**25.30**	1
1267	DTZ5379611	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	06/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.70**	1
1268	DTZ1195659	Trần Thị Thuỳ	Trang	Nữ	04/12/2004	Kinh	Huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.85**	1
1269	DTZ442136	Trần Thị Thuỳ	Trang	Nữ	03/11/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**22.35**	1
1270	DTZ12324050	Trần Thu	Trang	Nữ	29/03/2004	Kinh	Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.60**	1
1271	DTZ15706568	Triệu Thị	Trang	Nữ	13/12/2004	Dao	Huyện Ba Chẽ, Quảng Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**23.05**	1
1272	DTZ11141733	Trịnh Thị Huyền	Trang	Nữ	12/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.25**	1
1273	DTZ1323660	Trịnh Thị Thu	Trang	Nữ	18/01/2003	Kinh	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**23.05**	1
1274	DTZ15404362	Vũ Huyền	Trang	Nữ	07/12/2004	Kinh	Huyện Thanh Trì, Hà Nội	7320101	Báo chí	**26.25**	1
1275	DTZ771244	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	16/02/2004	Kinh	Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**23.45**	1
1276	DTZ8986246	Vương Thị Thu	Trang	Nữ	09/11/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.30**	1
1277	DTZ15063029	Nông Thị	Triệu	Nữ	15/12/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**25.05**	1
1278	DTZ4637651	Trần Huyền	Trinh	Nữ	06/04/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7380101	Luật	**27.05**	1
1279	DTZ7217901	Lý	Trọng	Nam	02/12/2001	Cao Lan	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.05**	1
1280	DTZ12212014	Nông Minh	Trọng	Nam	01/05/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	**7810103**	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28**	1
1281	DTZ15686715	Nông Minh	Trọng	Nam	01/05/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**26.25**	1
1282	DTZ10669297	Nông Minh	Trọng	Nam	01/05/2020	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.00**	1
1283	DTZ12065939	Đào Trần Thanh	Trúc	Nữ	16/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**22.20**	1
1284	DTZ7381652	Hoàng Thanh	Trúc	Nữ	27/02/2004	Nùng	Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**24.60**	1
1285	DTZ15083792	Nguyễn Hà Thanh	Trúc	Nữ	25/11/2004	Kinh	Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	7720203	Hoá dược	**28.45**	1
1286	DTZ129401	Nguyễn Hà Thanh	Trúc	Nữ	15/03/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.60**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1287	DTZ1403325	Nguyễn Ngọc	Trúc	Nữ	09/11/2003	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.80**	1
1288	DTZ11038037	Trần Thanh	Trúc	Nữ	12/02/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.05**	1
1289	DTZ1297309	Đoàn Ngọc	Trung	Nữ	11/01/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7460101	Toán học	**21.60**	1
1290	DTZ4899862	Nguyễn Trí	Trung	Nam	25/07/2004	Kinh	Huyện Mỹ Hào, Hưng Yên	7380101	Luật	**21.50**	1
1291	DTZ192659	Nguyễn Trọng	Trung	Nam	15/10/2004	Kinh	Huyện Gia Lâm, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.05**	1
1292	DTZ136152	Triệu Quốc	Trung	Nam	14/01/2004	Tày	Thành phố Bắc Kạn, Bắc Kạn	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.65**	1
1293	DTZ15282541	Phạm Xuân	Trường	Nam	06/12/2004	Kinh	Huyện Khoái Châu, Hưng Yên	7310612	Trung Quốc học	**27.25**	1
1294	DTZ12025516	Trần Xuân	Trường	Nam	07/03/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.25**	1
1295	DTZ2315463	Hà Văn	Tú	Nam	29/04/2004	Kinh	Thành phố Yên Bái, Yên Bái	7460101	Toán học	**23.75**	1
1296	DTZ1966098	Nguyễn Thanh	Tú	Nữ	18/09/2003	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**25.75**	1
1297	DTZ1999745	Trần Anh	Tú	Nam	07/02/2004	Kinh	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ	7460101	Toán học	**27.30**	1
1298	DTZ6174797	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	26/06/2004	Tày	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**28.45**	1
1299	DTZ912728	Nguyễn Đoàn Anh	Tuấn	Nam	19/11/2004	Kinh	Huyện Thanh Ba, Phú Thọ	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**23.45**	1
1300	DTZ3363769	Nhữ Hồng	Tuấn	Nam	02/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.35**	1
1301	DTZ15346266	Trần Hiển	Tuấn	Nam	20/12/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7810301	Quản lý Thể dục Thể thao	**23.05**	1
1302	DTZ11591157	Hà Trung	Tuần	Nam	15/12/2004	Nùng	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**30.35**	1
1303	DTZ11736608	Ngô Hữu An	Tuệ	Nam	28/07/2004	Kinh	Huyện Thường Tín, Hà Nội	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**26.90**	1
1304	DTZ2675535	Diêm Công	Tùng	Nam	25/05/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**26.20**	1
1305	DTZ7308150	Giàng A	Tùng	Nam	10/08/2004	Mông	Huyện Tam Đường, Lai Châu	**7460117**	Toán tin	**22.4**	1
1306	DTZ81634	Hoàng Khánh	Tùng	Nam	13/07/2004	Kinh	Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7380101	Luật	**20.75**	1
1307	DTZ2515332	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	04/04/2000	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7380101	Luật	**23.45**	1
1308	DTZ718133	Lồ A	Tùng	Nam	02/11/2003	Mông	Huyện Sa Pa, Lào Cai	7810101	Du lịch	**22.75**	1
1309	DTZ9691626	Nguyễn Duy	Tùng	Nam	10/08/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**22.45**	1
1310	DTZ2572476	Nguyễn Nam	Tùng	Nam	15/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**23.15**	1
1311	DTZ12917544	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	17/12/2004	Kinh	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**27.95**	1
1312	DTZ11624980	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	19/09/2004	Kinh	Thành phố Hải Dương, Hải Dương	7460117	Toán tin	**25.90**	1
1313	DTZ831914	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	04/01/2004	Kinh	Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	7380101	Luật	**23.85**	1
1314	DTZ14204396	Trần Bá	Tùng	Nam	16/04/2003	Kinh	Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.50**	1
1315	DTZ143619	Vũ Hoàng	Tùng	Nam	10/09/2003	Nùng	Huyện Chi Lăng, Lạng Sơn	7760101	Công tác xã hội	**25.35**	1
1316	DTZ598477	Nông Đình	Tường	Nam	28/05/2003	Tày	Huyện Trùng Khánh, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**23.50**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1317	DTZ1838414	Triệu Tài	Tường	Nam	09/10/2004	Dao	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**20.65**	1
1318	DTZ6751219	Lường Ngọc	Tuyên	Nam	15/03/2004	Thái	Huyện Mai Sơn, Sơn La	7340401	Khoa học quản lý	**23.95**	1
1319	DTZ1124173	Ngô Xuân	Tuyên	Nam	27/10/2002	Kinh	Huyện An Dương, Hải Phòng	7460117	Toán tin	**24.05**	1
1320	DTZ3468178	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	13/09/2004	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**24.45**	1
1321	DTZ8179861	Vũ Thị	Tuyến	Nữ	10/08/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7720203	Hoá dược	**26.25**	1
1322	DTZ473380	Hoàng Minh	Tuyền	Nữ	23/10/2003	Tày	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**23.95**	1
1323	DTZ10923966	Dương Thị	Tuyết	Nữ	04/12/2004	Kinh	Huyện Mộc Châu, Sơn La	7310614	Hàn Quốc học	**25.40**	1
1324	DTZ6367841	Dương Thị	Tuyết	Nữ	24/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.70**	1
1325	DTZ15588406	Lê Ánh	Tuyết	Nữ	28/04/2004	Kinh	Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	7220201	Ngôn ngữ Anh	**26.15**	1
1326	DTZ8213615	Mai Thị Ánh	Tuyết	Nữ	25/03/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**25.15**	1
1327	DTZ9321769	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	05/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7380101	Luật	**21.10**	1
1328	DTZ313410	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/01/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**25.00**	1
1329	DTZ10082904	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/01/2004	Kinh	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**22.90**	1
1330	DTZ3761267	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	15/08/2004	Kinh	Huyện Yên Bình, Yên Bái	7310612	Trung Quốc học	**23.15**	1
1331	DTZ9135506	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	26/07/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**23.00**	1
1332	DTZ8196057	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	29/10/2004	Kinh	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**22.50**	1
1333	DTZ10408446	Hoàng Thị	Tý	Nữ	21/04/2003	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7310614	Hàn Quốc học	**26.35**	1
1334	DTZ4659069	Tao Thị	Ún	Nữ	12/03/2004	Lự	Huyện Tam Đường, Lai Châu	7310612	Trung Quốc học	**26.95**	1
1335	DTZ15301827	Đào Thị	Út	Nữ	16/05/2004	Kinh	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	7380101	Luật	**24.45**	1
1336	DTZ11398946	An Thị Kiều	Uyên	Nữ	06/07/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.75**	1
1337	DTZ148357	Bùi Thị Mỹ	Uyên	Nữ	07/03/2004	Mường	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.15**	1
1338	DTZ6535968	Bùi Thị Thảo	Uyên	Nữ	13/05/2004	Mường	Huyện Cao Phong, Hòa Bình	7310614	Hàn Quốc học	**23.55**	1
1339	DTZ7181100	Đặng Thu	Uyên	Nữ	02/03/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**28.35**	1
1340	DTZ9905245	Đỗ Tố	Uyên	Nữ	23/05/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.80**	1
1341	DTZ3586690	Dương Thu	Uyên	Nữ	09/09/2004	Tày	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.30**	1
1342	DTZ1875955	Lê Bảo	Uyên	Nữ	16/03/2003	Kinh	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	7380101	Luật	**25.25**	1
1343	DTZ8347428	Lê Tú	Uyên	Nữ	02/10/2004	Tày	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.55**	1
1344	DTZ10034448	Ma Thị Phương	Uyên	Nữ	19/08/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**25.40**	1
1345	DTZ5201768	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	24/09/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7229030	Văn học	**22.20**	1
1346	DTZ682601	Nguyễn Tố	Uyên	Nữ	26/08/2004	Tày	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**24.75**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1347	DTZ7398034	Nông Thị Mỹ	Uyên	Nữ	20/11/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7320101	Báo chí	**26.65**	1
1348	DTZ5558964	Trần Thị Tú	Uyên	Nữ	12/09/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**25.70**	1
1349	DTZ4815588	Trần Thu	Uyên	Nữ	24/12/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**22.90**	1
1350	DTZ13076153	Vũ Ngọc Bảo	Uyên	Nữ	15/01/2004	Kinh	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.90**	1
1351	DTZ2634072	Bùi Hùng Khánh	Vân	Nữ	26/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.45**	1
1352	DTZ8611499	Đào Thị Kiều	Vân	Nữ	11/08/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.90**	1
1353	DTZ14905937	Đỗ Thị	Vân	Nữ	10/04/2004	Kinh	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**23.25**	1
1354	DTZ451424	Dương Thị Hải	Vân	Nữ	22/10/2004	Kinh	Huyện Phú Lộc, Thừa Thiên -Huế	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**28.40**	1
1355	DTZ5486139	Dương Thị Hồng	Vân	Nữ	29/08/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**21.50**	1
1356	DTZ10137495	Lâm Thị Khánh	Vân	Nữ	04/02/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310614	Hàn Quốc học	**25.95**	1
1357	DTZ2152500	Lưu Thị	Vân	Nữ	22/05/2002	Cao Lan	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	7760101	Công tác xã hội	**25.65**	1
1358	DTZ14827551	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	09/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.70**	1
1359	DTZ15456287	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	02/10/2004	Kinh	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	7810103_CLC	Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp	**22.25**	1
1360	DTZ1546600	Nguyễn Thị Ánh	Vân	Nữ	20/01/2004	Tày	Huyện Lục Yên, Yên Bái	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.60**	1
1361	DTZ704991	Nông Thị	Vân	Nữ	04/01/2003	Tày	Huyện Hạ Lang, Cao Bằng	7229030	Văn học	**23.95**	1
1362	DTZ1023074	Thân Thị Khánh	Vân	Nữ	05/06/2004	Kinh	Huyện Ba Vì, Hà Nội	7310614	Hàn Quốc học	**27.75**	1
1363	DTZ5867277	Vũ Thị	Vân	Nữ	31/01/2004	Kinh	Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh	7310612	Trung Quốc học	**23.60**	1
1364	DTZ4839818	Đặng Hà	Vi	Nữ	18/08/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7380101	Luật	**25.10**	1
1365	DTZ11561442	Điêu Thị	Vi	Nữ	07/01/2004	Thái	Huyện Mường Chà, Điện Biên	7310614	Hàn Quốc học	**26.30**	1
1366	DTZ1641009	Đoàn Hồng Yến	Vi	Nữ	18/02/2004	Tày	Huyện Lương Sơn, Hòa Bình	7310614	Hàn Quốc học	**25.55**	1
1367	DTZ4027894	Lâm Hải	Vi	Nữ	12/05/2004	Nùng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**26.35**	1
1368	DTZ11559629	Lâm Thị	Vi	Nữ	09/02/2004	Cao Lan	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7320101	Báo chí	**23.45**	1
1369	DTZ10022105	Ma Thị	Vi	Nữ	04/09/2004	Tày	Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**23.80**	1
1370	DTZ9496911	Vũ Thị Hà	Vi	Nữ	01/07/2004	Kinh	Huyện Văn Yên, Yên Bái	7810101	Du lịch	**26.45**	1
1371	DTZ13084946	Vương Triệu	Vi	Nữ	25/05/2004	Kinh	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.70**	1
1372	DTZ2497313	Dương Thị Thành	Viên	Nữ	10/01/2003	Nùng	Huyện Lục Ngan, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**26.55**	1
1373	DTZ11329036	Lò Thị	Viện	Nữ	12/06/2003	Thái	Huyện Sìn Hồ, Lai Châu	7310612	Trung Quốc học	**25.40**	1
1374	DTZ7697304	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	26/06/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7440102	Vật lý học	**23.00**	1
1375	DTZ1245893	Phạm Thị Thu	Việt	Nữ	13/10/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**23.75**	1
1376	DTZ15633072	Phạm Tuấn	ViệT	Nam	10/02/2004	Kinh	Quận Long Biên, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.90**	1

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1377	DTZ2276523	Lương Thế	Vinh	Nam	27/08/2004	Thái	Huyện Mường Lát, Thanh Hóa	7310612	Trung Quốc học	**23.65**	1
1378	DTZ13274965	Ngô Quang	Vinh	Nam	12/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**21.20**	1
1379	DTZ15133609	Ngô Quang	Vinh	Nam	12/12/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**19.20**	1
1380	DTZ6025089	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	04/02/2004	Kinh	Thành phố Phủ Lý, Hà Nam	7380101_CLC	Dịch vụ pháp luật	**25.60**	1
1381	DTZ9875675	Nguyễn Võ	Vinh	Nam	29/01/2003	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**26.45**	1
1382	DTZ14811401	Phạm Thế	Vinh	Nam	25/11/2004	Kinh	Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	**21.90**	1
1383	DTZ13756480	Bùi Hoàng	Vũ	Nam	26/01/2004	Mường	Huyện Mai Châu, Hòa Bình	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**25.40**	1
1384	DTZ10813788	Nguyễn Duy	Vũ	Nam	11/08/2004	Tày	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7310612	Trung Quốc học	**28.00**	1
1385	DTZ13404924	Hoàng Thị	Vươn	Nữ	09/06/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**26.35**	1
1386	DTZ13377075	Cao Yến	Vy	Nữ	22/07/2004	Tày	Thành phố Bắc Kạn, Bắc Kạn	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**23.95**	1
1387	DTZ11579273	Lê Hà	Vy	Nữ	29/09/2004	Kinh	Thành phố Móng Cái, Quảng Ninh	7310614	Hàn Quốc học	**26.65**	1
1388	DTZ9722420	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	25/02/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.35**	1
1389	DTZ2851999	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	22/11/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**23.85**	1
1390	DTZ12988150	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	22/10/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7320101	Báo chí	**25.10**	1
1391	DTZ10987308	Cao Phượng	Vỹ	Nữ	11/06/2004	Kinh	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	**23.30**	1
1392	DTZ5179880	Bùi Thanh	Xuân	Nữ	24/09/2003	Kinh	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**21.75**	2
1393	DTZ3879271	Đỗ Như	Xuân	Nữ	01/12/2003	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.05**	1
1394	DTZ3947185	Đỗ Như	Xuân	Nữ	01/12/2003	Kinh	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7380101	Luật	**26.05**	1
1395	DTZ2341963	Lý Thị	Xuân	Nữ	01/02/2004	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7760101	Công tác xã hội	**25.95**	1
1396	DTZ2332824	Lý Thị	Xuân	Nữ	01/02/2004	Nùng	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	7760101	Công tác xã hội	**25.95**	1
1397	DTZ3864146	Ma Thanh	Xuân	Nữ	05/11/2004	Tày	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	7340401	Khoa học quản lý	**24.15**	1
1398	DTZ329453	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	03/06/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**23.00**	1
1399	DTZ15537878	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	30/01/2004	Nùng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**26.15**	1
1400	DTZ614668	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	17/05/2004	Kinh	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**24.90**	1
1401	DTZ4528453	Vương Thị Kim	Xuân	Nữ	21/10/2004	Kinh	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**24.95**	1
1402	DTZ7897002	Dương Thị	Y	Nữ	18/03/2004	Kinh	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.65**	1
1403	DTZ8571818	Mông Thị	Yên	Nữ	16/06/2004	Tày	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	**26.70**	1
1404	DTZ3896886	Đào Thu	Yến	Nữ	18/08/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	**7810101**	Du lịch	**20.1**	1
1405	DTZ15479720	Dương Thị Hải	Yến	Nữ	20/09/2004	Kinh	Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	7320101	Báo chí	**25.70**	1
1406	DTZ13012963	Dương Thị Hải	Yến	Nữ	01/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7810101	Du lịch	**22.40**	2

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ Khẩu Thường trú	Mã ngành	Tên ngành	Tổng điểm	Thứ tự NV
1407	DTZ853100	Hoàng Hải	Yến	Nữ	26/01/2004	Tày	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**28.85**	1
1408	DTZ7548440	Hoàng Thị	Yến	Nữ	18/02/2004	Nùng	Huyện Quảng Uyên, Cao Bằng	7310612	Trung Quốc học	**27.25**	1
1409	DTZ12253795	Hoàng Thị	Yến	Nữ	09/02/2004	Nùng	Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**26.25**	1
1410	DTZ6594397	Hoàng Thị	Yến	Nữ	16/10/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**26.80**	1
1411	DTZ8526315	Kiều Nguyễn Hải	Yến	Nữ	05/04/2004	Kinh	Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	7420201_CLC	Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh	**25.80**	1
1412	DTZ8336748	Miêu Thị	Yến	Nữ	12/11/2004	Sán Dìu	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.95**	1
1413	DTZ2949322	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	08/12/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310612	Trung Quốc học	**27.05**	1
1414	DTZ2414165	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/02/2004	Kinh	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**21.85**	1
1415	DTZ10274587	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	07/12/2004	Sán Dìu	Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**22.50**	1
1416	DTZ14119943	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	17/12/2004	Kinh	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên	7340401	Khoa học quản lý	**25.65**	1
1417	DTZ1955136	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	13/07/2004	Kinh	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ	7310612	Trung Quốc học	**25.50**	1
1418	DTZ13797524	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	24/02/2004	Tày	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**24.75**	1
1419	DTZ1380445	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	24/02/2004	Tày	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	7310612	Trung Quốc học	**24.75**	1
1420	DTZ489766	Trần Bảo	Yến	Nữ	16/09/2004	Kinh	Thành phố Sông Công, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**23.55**	1
1421	DTZ7352512	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	11/01/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7310614	Hàn Quốc học	**27.15**	1
1422	DTZ5834740	Trịnh Hải	Yến	Nữ	08/07/2004	Kinh	Thành phố Hà Giang, Hà Giang	7460101	Toán học	**25.00**	1
1423	DTZ2029148	Trương Thị	Yến	Nữ	19/04/2004	Kinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	7220201	Ngôn ngữ Anh	**24.25**	1
1424	DTZ12013155	Vi Tiểu	Yến	Nữ	16/04/2001	Tày	Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	7310612	Trung Quốc học	**27.15**	1

Ấn định danh sách: 1424 thí sinh./.